

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH



LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

**PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ  
CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI  
TÂN NGHĨA THÀNH TẠI HUYỆN LONG  
HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN***  
**ThS. NGUYỄN THỊ LƯƠNG**

***SINH VIÊN THỰC HIỆN***  
**TRẦN THANH MAI**  
**MSSV: 4054169**  
**LỚP: Kinh tế nông nghiệp 1**  
**KHÓA: 31(2005 – 2009)**

*Cần Thơ - 2009*

# LỜI CẢM TẠ



Trong suốt 4 năm học tập ở trường Đại học Cần Thơ và trải qua 3 tháng thực tập tại Doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành đã truyền đạt cho em rất nhiều cả kiến thức chuyên ngành và xã hội. Đề tài luận văn này là kết quả lao động chân chính và thật sự bổ ích đối với em.

Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, trường Đại học Cần Thơ. Đặc biệt là cô Nguyễn Thị Lương đã tận tình giúp đỡ và động viên em rất nhiều để em hoàn thành luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn gia đình cậu ba, Doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành đã tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con trong suốt thời gian thực tập tại doanh nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn cha mẹ đã luôn ủng hộ cho con cả về vật chất lẫn tinh thần, tiếp thêm nghị lực để con hoàn thành 4 năm đại học.

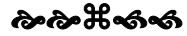
Sau cùng con xin kính lời chúc cha mẹ, quý thầy cô, gia đình cậu ba dồi dào sức khỏe và thành công trong cuộc sống.

Trân trọng kính chào

Sinh viên thực hiện

Trần Thanh Mai

# LỜI CAM ĐOAN



Tôi xin cam đoan đề tài luận văn này là do chính tôi thực hiện, các số liệu thu thập và kết quả phân tích được trong đề tài là trung thực, đề tài không trùng với bất kỳ đề tài nghiên cứu khoa học nào.

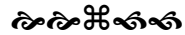
Cần Thơ, ngày 27 tháng 4 năm 2009

**Sinh viên thực hiện**

**Trần Thanh Mai**

## **NHẬN XÉT CỦA CƠ QUAN THỰC TẬP**

# BẢN NHẬN XÉT LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC



- Họ và tên người hướng dẫn: .....
- Học vị: .....
- Chuyên ngành: .....
- Cơ quan công tác: .....
  
- Tên học viên: .....
- Mã số sinh viên: .....
- Chuyên ngành: .....
- Tên đề tài: .....

## NỘI DUNG NHẬN XÉT

### 1. Tính phù hợp của đề tài với chuyên ngành đào tạo:

.....  
.....

### 2. Về hình thức:

.....  
.....

### 3. Ý nghĩa khoa học, thực tiễn và tính cấp thiết của đề tài

.....  
.....

### 4. Độ tin cậy của số liệu và tính hiện đại của luận văn

.....  
.....

### 5. Nội dung và các kết quả đạt được

.....  
.....

### 6. Các nhận xét khác

.....  
.....

### 7. Kết luận

.....  
.....

Cần Thơ, ngày..... tháng ..... năm 200....

**NGƯỜI NHẬN XÉT**



# MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU .....</b>  | <b>1</b>  |
| 1.1 ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU .....  | 1         |
| 1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU .....   | 2         |
| 1.2.1. Mục tiêu chung.....   | 2         |
| 1.2.2. Mục tiêu cụ thể.....  | 3         |
| 1.3. CÁC GIẢ THUYẾT CẦN KIỂM ĐỊNH VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU  |           |
| 1.4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....   | 3         |
| 1.4.1. Không gian .....  | 3         |
| 1.4.2. Thời gian .....   | 3         |
| 1.4.3. Đối tượng nghiên cứu .....  | 4         |
| <b>CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b><br><b>.....</b>  | <b>5</b>  |
| 2.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN .....  | 5         |
| 2.1.1 Khái niệm, đặt trung, vai trò, tiêu chí nhận dạng của trang trại .....   | 5         |
| 2.1.2. Một số vấn đề cơ bản về ngành chăn nuôi heo .....   | 8         |
| 2.1.3. Các nhân ảnh hưởng đến sản lượng heo.....   | 10        |
| 2.1.4. Hệ thống các chỉ tiêu kinh tế cơ bản được sử dụng trong phân tích.....  | 13        |
| 2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....   | 15        |
| 2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu.....   | 15        |
| 2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu.....  | 15        |
| <b>CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRANG</b><br><b>TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH TẠI HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG</b><br><b>.....</b> | <b>18</b> |
| 3.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU.....   | 18        |
| 3.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên – xã hội của huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh<br>Long.....  | 18        |
| 3.1.2. Vài nét về tình hình chăn nuôi heo theo mô hình trang trại tại huyện Long<br>Hồ, tỉnh Vĩnh Long. ....                               | 19        |
| 3.2. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH TẠI<br>HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG. ....   | 20        |
| 3.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của trại heo Tân Nghĩa Thành .....   | 20        |

|   |           |
|---|-----------|
| 3.2.2. Cơ cấu tổ chức .....   | 20        |
| 3.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của trang trại.....                                      | 22        |
| 3.2.4. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động.....   | 23        |
| 3.2.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của trang trại Tân Nghĩa Thành.....                                   | 24        |
| <b>CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH.....</b>                | <b>27</b> |
| 4.1. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI.....  | 27        |
| 4.1.1. Về các yếu tố đầu vào của trang trại .....   | 27        |
| 4.1.2. Tình hình chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành.....                                   | 29        |
| .....   |           |
| 4.2 PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH.....                             | 30        |
| .....   |           |
| 4.2.1. Tình hình chi phí trong chăn nuôi .....  | 31        |
| 4.2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm heo thịt.....  | 39        |
| 4.2.3. Phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt năm 2008 .....   | 41        |
| .....   |           |
| 4.3. PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI NHUẬN CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI.....                 | 44        |
| 4.4. PHÂN TÍCH CÁC TỶ SỐ PHẢN ẢNH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI.....               | 47        |
| <b>CHƯƠNG 5: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO CỦA TRẠI HEO TÂN NGHĨA THÀNH.....</b>  | <b>50</b> |
| 5.1. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO CỦA TRẠI HEO TÂN NGHĨA THÀNH ..... | 50        |
| 5.1.1 Về thuận lợi và khó khăn.....   | 50        |
| 5.1.1.2. Những cơ hội và thách thức trong quá trình chăn nuôi heo theo mô hình trang trại.....            | 51        |
| 5.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO CỦA TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH. ....           | 52        |
| 5.2.1. Đối với trang trại .....   | 52        |



|  |           |
|--|-----------|
| 5.2.1. Đối với nhà nước và chính quyền địa phương..... | 53        |
| <b>CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>            | <b>55</b> |
| 6.1. KẾT LUẬN.....                                     | 55        |
| 6.2. KIẾN NGHỊ.....                                    | 56        |

## DANH MỤC BẢNG

|   |    |
|---|----|
| Bảng 1: CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA TRANG TRẠI NĂM 2008 .....                                     | 21 |
| Bảng 2: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....  | 24 |
| Bảng 3: TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI .....                                 | 29 |
| Bảng 4 : CƠ CẤU ĐÀN CỦA TRANG TRẠI TỪ 2006 – 2008.....                                    | 30 |
| Bảng 5: TỶ TRỌNG CHI PHÍ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI VÀ NÔNG HỘ ĐỢT 1-2008.....     | 32 |
| Bảng 6: TỶ TRỌNG CHI PHÍ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI VÀ NÔNG HỘ ĐỢT 2-2008.....     | 36 |
| Bảng 7: SO SÁNH TỶ TRỌNG CHI PHÍ ĐỢT 1-2008 VÀ ĐỢT 2-2008 CỦA TRANG TRẠI VÀ NÔNG HỘ ..... | 38 |
| Bảng 8: TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI QUA 2 ĐỢT NĂM 2008 .....      | 39 |
| Bảng 9: TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM HEO THỊT CỦA NÔNG HỘ QUA 2 ĐỢT NĂM 2008 .....         | 40 |
| Bảng 10: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI QUA 2 ĐỢT NĂM 2008.....      | 41 |
| Bảng 11: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA NÔNG HỘ QUA 2 ĐỢT NĂM 2008.....         | 42 |
| Bảng 12 : TÌNH HÌNH LỢI NHUẬN QUA 2 ĐỢT CHĂN NUÔI NĂM 2008                                | 44 |
| Bảng 13: TỔNG HỢP MỨC ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ LÊN LỢI NHUẬN CHĂN NUÔI HEO THỊT.....     | 45 |
| Bảng 14: CÁC TỶ SỐ PHẢN ẢNH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI.....     | 47 |

## DANH MỤC HÌNH

|   |    |
|---|----|
| Hình 1: Sơ đồ tổ chức của doanh nghiệp .....                                  | 20 |
| Hình 2: Kết quả hoạt động kinh doanh .....                                    | 24 |
| Hình 4: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 1-2008 của trang trại .....   | 32 |
| Hình 5: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 1-2008 của nông hộ .....      | 33 |
| Hình 6: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 2 – 2008 của trang trại ..... | 36 |
| Hình 7: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 2 – 2008 của nông hộ .....    | 37 |
| Hình 8: Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên lợi nhuận .....                  | 46 |

## Chương 1

### GIỚI THIỆU

#### 1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

##### 1.1.1. Sự cần thiết nghiên cứu

Vĩnh Long là tỉnh có nghề chăn nuôi heo lâu đời và có số đầu heo cao nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng nhìn chung chăn nuôi theo hình thức nông hộ lẻ tẻ vẫn còn chiếm đa số (80-85%). Trong xu hướng phát triển nền kinh tế hàng hóa hiện nay, kinh tế trang trại trở thành nhân tố mới cho sự phát triển ở nông thôn. Phát triển kinh tế trang trại là động lực mới nối tiếp và phát huy động lực kinh tế hộ, là điểm đột phá trong các bước chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa. Các trang trại đã tạo ra khối lượng nông sản hàng hóa từng bước đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Song hình thức chăn nuôi heo tập trung theo quy mô trang trại vẫn còn chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ.

Đứng về mặt tiêu dùng, sản phẩm thịt heo là loại thực phẩm chủ yếu của người Việt Nam. Ngày nay con heo không những giữ vị trí hàng đầu trong việc cung cấp thực phẩm giàu dinh dưỡng cho mọi người mà còn là loại hàng hóa chủ lực của ngành nông nghiệp thu lại nhiều ngoại tệ. Vì vậy làm thế nào để chăn nuôi heo đạt hiệu quả cao, và trở thành hàng hóa chủ lực của ngành luôn là mối quan tâm lớn của nhà nước và người chăn nuôi. Đây là mục tiêu để ngành chăn nuôi phát triển và chính những yếu tố đó đã thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển.

Chính vì vậy đề tài “ *Phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*” đưa ra để nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá hiệu quả chăn nuôi heo thịt ở quy mô trang trại, qua đó tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho trang trại.

##### 1.1.2. Căn cứ khoa học và thực tiễn

Nông nghiệp được xem là ngành chủ đạo của nước ta, trong đó chăn nuôi là một trong những ngành sản xuất chủ yếu. Ngành chăn nuôi cung cấp các sản phẩm có giá trị kinh tế cao như: thịt, sữa, trứng... đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng chủ yếu của người dân. Theo xu hướng phát triển của xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế, sản phẩm của ngành chăn nuôi không những cung cấp thực phẩm

cho người dân trong nước mà còn là một trong những hàng hóa chủ lực mang lại nhiều ngoại tệ cho đất nước.

Hiện nay chăn nuôi heo trong tỉnh tồn tại một vài khó khăn: ảnh hưởng của dịch bệnh lở mòm long móng, tai xanh, giá thức ăn tăng cao, giá heo hơi biến động mạnh ...

Tuy nhiên điều đáng mừng là sang năm 2009 tỉnh Vĩnh Long tiếp tục khuyến khích hộ chăn nuôi đầu tư phát triển chăn nuôi đa dạng và bền vững, trong đó phát triển sản phẩm chăn nuôi có lợi thế và khả năng cạnh tranh như heo thịt, bò thịt, gà thịt, vịt lấy trứng..., đáp ứng nhu cầu thực phẩm trong tỉnh và hướng tới xuất khẩu.

Vĩnh Long phấn đấu năm 2009 - 2010 nâng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm từ 27-28% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh, trong đó tập trung nâng cao chất lượng đàn gia súc - gia cầm, nâng tỷ lệ nạc hóa chiếm trên 90% tổng đàn heo; từ 29 – 30% tổng đàn bò lai Zebu; từ 40 – 45% tổng đàn gia cầm giống mới có năng suất thịt, trứng cao.

Theo đó, ngành nông nghiệp tỉnh đã triển khai các dự án đầu tư hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, chăn nuôi công nghiệp gắn với chế biến tập trung, phấn đấu 10% số hộ chăn nuôi gia đình, 50% hộ chăn nuôi trang trại, công nghiệp và các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm ứng dụng phương pháp xử lý chất thải phù hợp như biogas, VAC... mang lại hiệu quả kinh tế bền vững và giảm ô nhiễm môi trường (trang tin khuyến nông – cập nhật ngày 12/02/2009).

Vì vậy, để thúc đẩy ngành chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi heo theo quy mô trang trại phát triển trước hết ta phải tìm hiểu về thực trạng chăn nuôi heo từ đó phân tích, đánh giá để thấy được hiệu quả cũng như các vấn đề còn tồn tại của ngành.

## **1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tìm ra những mặt tồn tại và nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi góp phần giúp cho trang trại hoạt động có hiệu quả trong nền kinh tế thị trường.

### **1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

(1) Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của trang trại Tân Nghĩa Thành tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

(2) Phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành..

(3) Trên cơ sở phân tích đánh giá tìm ra những điểm mạnh và điểm yếu cùng những cơ hội và thách thức để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi của trang trại.

## **1.3. CÁC GIẢ THUYẾT CẦN KIỂM ĐỊNH VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU**

### **1.3.1. Các giả thuyết cần kiểm định**

- Hiệu quả chăn nuôi phụ thuộc vào quy mô chăn nuôi.
- Chi phí chăn nuôi sẽ quyết định hiệu quả chăn nuôi.
- Giá bán heo hơi sẽ quyết định hiệu quả chăn nuôi.
- Mức độ đầu tư vào chi phí chăn nuôi sẽ quyết định lợi nhuận.

### **1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu**

- Hiện trạng chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành như thế nào?
- Trong chăn nuôi heo thịt có những thuận lợi và khó khăn gì?
- Mở rộng quy mô chăn nuôi có ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi heo không?
- Hiệu quả chăn nuôi chịu ảnh hưởng bởi những nhân tố nào?
- Các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu heo hơi của trang trại?
- Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận heo xuất chuồng ?

## **1.4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### **1.4.1. Không gian**

Luận văn được thực hiện tại trang trại nuôi heo Tân Nghĩa Thành huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và Khoa Kinh Tế - Quản trị kinh doanh, trường Đại Học Cần Thơ.

### **1.4.2. Thời gian**

- Những thông tin số liệu sử dụng cho luận văn từ năm 2006 đến năm 2008.
- Luận văn được thực hiện trong thời gian 3 tháng từ ngày 02.02.2009 đến 24.04.2009.

- Nếu có vấn đề gì phát sinh ngoài phạm vi nghiên cứu này thì đó chỉ là những liên hệ để làm rõ vấn đề chính mà tác giả muốn đề cập.

### **1.4.3. Đối tượng nghiên cứu**

Trang trại Tân Nghĩa Thành tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cụ thể là mô hình chăn nuôi heo thịt những nội dung nghiên cứu như sau:

- Đưa ra những lý luận làm cơ sở cho việc thực hiện đề tài.
- Phân tích tình hình hoạt động chung của trang trại Tân Nghĩa Thành.
- Phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

## Chương 2

### PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

##### 2.1.1 Khái niệm, đặt trưng, vai trò, tiêu chí nhận dạng của trang trại

###### 2.1.1.1. Khái niệm

Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh cơ sở trong nông, lâm ngư nghiệp có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa; tư liệu sản xuất thuộc sở hữu hoặc quyền sở hữu của chủ thể độc lập; sản xuất được tiến hành trên quy mô ruộng đất và các yếu tố sản xuất được tập trung tương đối lớn; với cách thức tổ chức quản lý tiên bộ và trình độ kỹ thuật cao; hoạt động tự chủ và luôn gắn với thị trường.

Trang trại là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp là chủ yếu (theo nghĩa rộng bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản). Như vậy, trang trại không gồm những đơn vị thuần túy hoạt động chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Nếu có hoạt động chế biến hay tiêu thụ sản phẩm thì đó là những hoạt động kết hợp với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

###### 2.1.1.2. Đặc trưng của trang trại

- Mục đích sản xuất của trang trại là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của xã hội. Vì vậy, quy mô sản xuất hàng hóa của trang trại phải đạt mức độ tương đối lớn, tức là hoạt động sản xuất của trang trại phải có sự khác biệt với hộ sản xuất tự cấp tự túc. Đây cũng là điểm đặc thù của trang trại trong điều kiện kinh tế thị trường so với các hình thức sản xuất nông nghiệp tập trung trước đây.

- Tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của chủ thể độc lập. Vì vậy, trang trại hoàn toàn tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từ lựa chọn phương hướng sản xuất, quyết định kỹ thuật và công nghệ... đến tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm... Đây là đặc trưng cho phép phân biệt giữa trang trại và hộ công nhân trong các nông lâm trường đang trong quá trình chuyển đổi ở nước ta hiện nay.

- Chủ trang trại là người có ý chí và có năng lực tổ chức quản lý, có kinh nghiệm và kiến thức nhất định về sản xuất kinh doanh nông nghiệp và thường là người trực tiếp quản lý trang trại. Những đặc trưng trên được so sánh với chủ



nông hộ tự cấp tự túc. Vì vậy, đây là những đặc trưng phân biệt trang trại với nông hộ sản xuất tự túc, tự cấp. Những đặc trưng trên của chủ trang trại không được hội đủ ngay từ đầu mà được hoàn thiện dần cùng với quá trình phát triển của trang trại.

- Tổ chức quản lý sản xuất của trang trại tiến bộ hơn, trang trại có nhu cầu cao hơn nông hộ về ứng dụng kỹ thuật và thường xuyên tiếp cận thị trường. Điều này biểu hiện:

+ Do mục đích của trang trại là sản xuất hàng hóa nên hầu hết các trang trại đều kết hợp giữa chuyên môn hóa với phát triển tổng hợp. Đây là điểm khác biệt giữa trang trại so với nông hộ tự túc, tự cấp.

+ Cũng do sản xuất hàng hóa, đòi hỏi phải ghi chép, hạch toán kinh doanh, tổ chức sản xuất khoa học trên cơ sở những kiến thức về nông học, về kinh tế thị trường.

+ Sự hoạt động của trang trại đòi hỏi phải tiếp cận với thị trường, để biết được thị trường cần loại sản phẩm nào, số lượng bao nhiêu, chất lượng và chủng loại, giá cả và thời điểm cung cấp thế nào... Nếu chủ trang trại không có những thông tin về các vấn đề trên, hoạt động kinh doanh sẽ không hiệu quả. Vì vậy, tiếp cận thị trường là yêu cầu cấp thiết của trang trại.

### **2.1.1.3. Vai trò của trang trại**

Là hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chủ yếu của nền sản xuất hàng hóa, vì vậy trang trại có vai trò hết sức to lớn trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm cung cấp cho xã hội. Trang trại là tế bào kinh tế quan trọng để phát triển nông nghiệp nông thôn, thực hiện sự phân công lao động xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta chuyển từ cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa, sự hình thành và phát triển các trang trại có vai trò cực kỳ quan trọng. Biểu hiện:

+ Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất lấy việc khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh phục vụ nhu cầu xã hội làm phương thức sản xuất chủ yếu. Vì vậy, nó cho phép huy động, khai thác đất đai, sức lao động và các nguồn lực khác một cách đầy đủ, hợp lý và có hiệu quả. Nhờ vậy, nó góp phần tích cực thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

+ Trang trại với kết quả và hiệu quả sản xuất cao góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao, khắc phục dần tình trạng manh mún, tạo vùng chuyên môn hóa, tập trung hóa cao, đẩy nhanh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.

+ Qua thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trang trại tạo ra nhiều nông sản làm nguyên liệu cho công nghiệp, vì vậy trang trại góp phần thúc đẩy công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất ở nông thôn phát triển.

+ Trang trại là đơn vị sản xuất và quản lý kinh doanh tiên tiến, trang trại là nơi tiếp nhận và truyền tải các tiến bộ khoa học và công nghệ đến hộ thông qua chính hoạt động sản xuất của mình.

+ Về mặt xã hội, phát triển kinh tế trang trại làm tăng hộ giàu trong nông thôn, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập góp phần thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, là tấm gương cao cho các hộ nông dân về cách thức tổ chức kinh doanh tiên tiến và có hiệu quả... Tác cả các điều đó góp phần quan trọng giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội nông thôn.

#### **2.1.1.4. Các loại hình trang trại**

Xét về tính chất sở hữu có các loại hình trang trại

+ Trang trại gia đình: là loại hình trang trại chủ yếu trong nông, lâm, ngư nghiệp với các đặc trưng, được hình thành từ hộ nông dân sản xuất hàng hóa nhỏ, mỗi gia đình là chủ thể kinh doanh có tư cách pháp nhân do chủ hộ hay người có uy tín, năng lực trong gia đình đứng ra làm quản lý.

+ Trang trại ủy thác cho người nhà, bạn bè quản lý sản xuất kinh doanh từng việc theo từng vụ hay liên tục nhiều vụ. Các trang trại loại này thường có quy mô nhỏ, đất ít nên đã chuyển sang làm nghề khác, nhưng không muốn bỏ ruộng đất, vì sợ sau này muốn trở về khó đòi, hay chuộc lại ruộng đất.

Xét về hướng sản xuất có các loại hình trang trại

+ Trang trại sản xuất cây thực phẩm, các trang trại này thường ở vùng sản xuất thực phẩm trọng điểm quanh đô thị, khu công nghiệp, gần nơi tiêu thụ.

+ Trang trại sản xuất cây công nghiệp (chè, cà phê, cao su, mía...) thường phát triển ở vùng cây công nghiệp, gắn với hệ thống chế biến.

+ Trang trại sản xuất cây ăn quả nằm ở vùng cây ăn quả tập trung có cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ thuận lợi.

+ Trang trại nuôi, trồng sinh vật cảnh thường phát triển ở gần các khu đô thị, các khu du lịch lớn, thuận tiện cho việc tiêu thụ.

+ Trang trại nuôi trồng đặc sản (hươu, trăn, rắn, ba ba, dê, cây dược liệu...) nằm ở những nơi thuận lợi cho nuôi trồng và tiêu thụ.

+ Trang trại chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò...), gia súc (lợn) hoặc gia cầm. Có thể chăn nuôi tổng hợp hoặc chuyên môn hóa theo từng loại gia súc.

+ Trang trại kinh doanh nông lâm nghiệp tổng hợp, thường phát triển ở các vùng trung du và miền núi có điều kiện về đất đai và hạn chế về thị trường tiêu thụ.

+ Trang trại kinh doanh nông, công nghiệp, dịch vụ đa dạng nhưng hoạt động nông nghiệp vẫn là chủ yếu.

### **2.1.2. Một số vấn đề cơ bản về ngành chăn nuôi heo**

Heo là loài động vật đã được thuần hoá lâu đời và được nuôi thành đàn cách đây khoảng 3.468 năm trước công nguyên ở Trung Quốc

Heo là loại gia súc thuần tính, dễ huấn luyện nên rất dễ nuôi nếu biết cách tập cho heo ăn uống đúng giờ qui định, biết bài tiết phân và nước tiểu đúng chỗ thì việc chăn nuôi heo không mấy khó khăn. Cho nên người nuôi cần tận dụng các đặc tính này để chăm sóc sẽ dễ dàng trong công tác chăm sóc và quản lý chuồng trại, nâng cao năng suất vật nuôi

#### **2.1.2.1. Đặc điểm sinh sản của heo**

Heo là loài gia súc đa thai có khả năng sinh sản cao và nuôi con giỏi. Đối với giống heo ngoại đẻ con từ 8 đến 10 con trên 1 lứa, heo hương nội đẻ từ 11 đến 12 con trên lứa. Heo mang thai 114 – 116 ngày (3 tháng 3 tuần 3 ngày).

Thành thực sớm, heo có thể chữa khi 4 – 5 tháng tuổi, nuôi con 60 ngày. Như vậy một lứa sinh sản hết 174 ngày. Một năm đẻ 2 lứa cần 348 ngày, còn 17 ngày cần cho 2 lần nái lên giống và phối giống.

#### **2.1.2.2. Đặc điểm hô hấp và tuần hoàn**

Theo các nhà giải phẫu học thì heo là loại gia súc có bộ máy hô hấp và bộ máy tuần hoàn tương đối bé do đặc tính này nên người chăn nuôi phải chú ý đảm bảo sự khô thoáng cho chuồng chăn nuôi heo.

### **2.1.2.3. Đặc điểm tiêu hóa của heo**

Heo có khả năng sử dụng nhiều thức ăn thô xanh, củ quả, phụ phế phẩm trong công nông nghiệp, chế biến thức phẩm... Các đặc điểm tiêu hóa sau giúp heo tận dụng tốt các loại thức ăn:

+ Các tuyến tiêu hóa tiết dịch vị liên tục ngày đêm và nhiều hơn các loại gia súc khác. Heo 100 - 150 kg tiết 7 - 10 lít dung dịch trong 1 ngày đêm. Heo tiết dịch từ máu và ống tiêu hóa. Thành ruột hấp thu từ 40 - 50 lít nước, vài trăm gam chất hữu cơ và một lượng khoáng đáng kể.

+ Heo có dạ dày đơn.

+ Ruột già khá dài, có nhiều nguyên sinh động vật và vi sinh vật tiến hành phân giải chất xơ thêm chất dinh dưỡng nên heo sử dụng tốt thức ăn thô xanh, phụ phế phẩm.

+ Khi ăn tuyến thái dương tiết nước bọt Enzim, amilaz thủy phân tinh bột thành đường, đưa xuống dạ dày. Dạ dày nhờ tác động cơ học và hóa học (dịch vị) tiếp tục tiêu hóa. Một số ít lipid được tiêu hóa, còn lại chuyển xuống ruột non.

+ Ruột non nửa phần trên thức ăn tiêu hóa thành đường. Phân hóa axit amin từ đạm, đường glucô, xenlulô từ bột đường glucô, glactô, xenlulô từ bột đường glyceron và axit béo từ mỡ. Một phần mỡ, đạm, xenlulô tiêu hóa chưa hết xuống ruột già tiêu hóa nốt.

### **2.1.2.4. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự sinh trưởng và phát triển của heo**

Đối với tất cả các loài động vật nói chung, sự ảnh hưởng của khí hậu có tác dụng rất rõ rệt, nó tác động đến khả năng sinh trưởng, sinh sản tùy mỗi loài, mỗi lứa tuổi có yêu cầu riêng về nhiệt độ, khí hậu, ánh sáng...Heo cũng chịu những tác động mạnh mẽ của điều kiện tự nhiên. Đặc biệt là trong giai đoạn đầu mùa mưa, và cuối mùa mưa. Khí hậu rất khắc nghiệt làm cho heo dễ bị nhiễm bệnh. Mặt khác thời tiết khô hạn cũng làm giảm sức đề kháng của heo.

### 2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng heo thịt xuất chuồng của trang trại

#### 2.1.3.1. Thức ăn

Đây chính là yếu tố quan trọng trong chăn nuôi heo thịt vì nó chiếm tỷ trọng khoảng 80% đến 85% (cơ cấu hiện tại được tham khảo trong sách kỹ thuật chăn nuôi heo – Nhà xuất bản Trẻ năm 2001) giá thành sản phẩm nuôi heo vì thế việc chọn thức ăn có chất lượng và tiết kiệm là nguồn quan trọng trong việc giảm được giá thành trong chăn nuôi. Heo là loài ăn tạp nên có thể tiêu hoá tất cả các loại thức ăn có nguồn gốc từ động vật và thực vật. Thức ăn của heo phải có đầy đủ các chất dinh dưỡng như prôtêin, chất bột đường, dầu mỡ, chất khoáng thì mới thu được kết quả tốt

Trang trại sử dụng toàn bộ thức ăn tổng hợp cho chăn nuôi. Hiện nay trại đang dùng 5 loại thức ăn của 2 nhà sản xuất là công ty thức ăn Long Châu và công ty thức ăn CP. Sau khi đã sử dụng thì trại đã lựa chọn được 5 loại thức ăn chứa đầy đủ các thành phần dinh dưỡng phù hợp với điều kiện phát triển của từng giai đoạn.

A<sub>20</sub>: Dùng làm thức ăn cho heo cai sữa đến 60 ngày.

A<sub>30</sub>: Dùng cho heo thịt từ 2 tháng đến xuất chuồng.

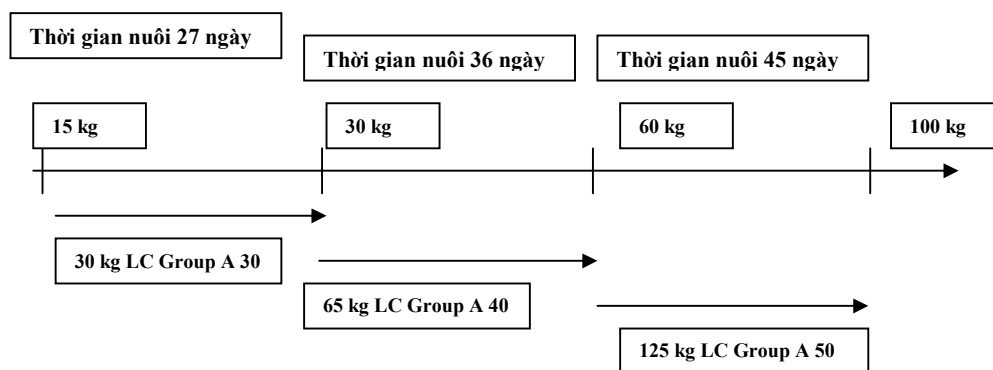
A<sub>60</sub>: Dùng cho nái khô và nái chữa

A<sub>70</sub>: Dùng cho nái nuôi con và heo đực giống

8651: Dùng làm thức ăn cho heo con theo mẹ

Hiện nay trang trại đang áp dụng công thức cho heo ăn theo sự hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi của công ty Long Châu.

#### Sơ đồ: Kỹ thuật cho heo ăn



### 2.1.3.2. Giống

Giống là yếu tố quan trọng quyết định đến hiệu quả chăn nuôi heo. Việc chọn giống heo tốt để nuôi cũng góp phần hạn chế một số rủi ro như: thời gian nuôi dài, tăng trưởng chậm, heo bị bệnh...

Toàn bộ heo trong trại được nhập từ loại giống của công ty CP đã qua chọn lọc chặt chẽ về ngoại hình, thể chất.

Hiện tại trại nuôi có các giống heo sau:

+ Phần lớn các đực giống là giống thuần: Duroc, Pietrain, sau một thời gian sử dụng trại lại nhập đực giống mới.

+ Heo nái sinh sản thuộc giống thuần: Yorkshire, Landrace và các con nái hậu bị thuộc giống lai: Yorkshire – Landrace, Landrace – Yorkshire

+ Heo thịt gồm con lai 3 – 4 máu của các giống Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain.

Trại nuôi heo đực giống và áp dụng phương pháp gieo tinh nhân tạo cho các con nái lên giống.

Ở giai đoạn đầu trại nhập con giống bố mẹ từ trại giống CP, nhưng những con nái hậu bị sau này thì trại tự lựa chọn dựa vào con giống bố mẹ của nó có ngoại hình, phẩm chất tốt.

### 2.1.3.3. Về thú y

Là yếu tố không kém phần quan trọng trong chăn nuôi heo. Nếu việc sử dụng không đúng thuốc, đúng lúc thì sẽ ảnh hưởng đến việc sinh trưởng, phát triển đồng thời làm giảm năng suất trong chăn nuôi heo.

Đây là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng rất lớn kết quả chăn nuôi cũng như chất lượng vật nuôi. Cho nên để chăn nuôi đạt hiệu quả đòi hỏi người chăn nuôi phải hết sức chú trọng đến công tác này. Nhìn chung trang trại thực hiện công tác này rất tốt

#### + Về phòng bệnh

Hiện nay, trang trại đang áp dụng hai hình thức phòng bệnh: phòng bệnh bằng vệ sinh và chủng ngừa vaccine

### *Quy trình phòng bệnh bằng vệ sinh*

- Hàng ngày hốt phân, tắm heo sạch sẽ dội sạch phân, nước tiểu xuống đường mương, vét sạch nước đọng trong máng, vét thức ăn thừa trong máng cho cá ăn.

- Đầu mỗi dãy chuồng đều có hố sát trùng, trước kho vào trại phải đi qua hố sát trùng đó, vào trại phải đi đôi dép riêng của trại.

- Mỗi tháng vệ sinh cỏ quanh trại một lần và phun thuốc sát trùng toàn trại. Định kỳ đầu tháng rải vôi trong trại, hành lang, đường mương, đường đi.

- Hạn chế khách tham quan vào trại, trường hợp có khách tham quan hoặc thương lái mua heo thì phải đi giày, dép của trại, xịt thuốc sát trùng và chỉ được tham quan ở những nơi được sự chỉ dẫn của chủ trại.

### *Quy trình chủng ngừa vaccine phòng bệnh*

Đây là biện pháp phòng bệnh hiệu quả nhất và luôn được cán bộ kỹ thuật của trang trại thực hiện triệt để theo đúng quy trình của phòng kỹ thuật đã đề ra.

#### **+ Về điều trị bệnh**

Bệnh của heo được theo dõi hàng ngày và có biện pháp can thiệp kịp thời. Nếu có cá thể bị bệnh thì tiến hành cách ly và có kế hoạch điều trị cụ thể cho từng loại bệnh

Nhìn chung, trang trại thực hiện công tác phòng và trị bệnh cho heo rất chặt chẽ và triệt để. Do đó, trong đợt dịch bệnh heo tai xanh năm 2008 vừa qua xuất hiện tại huyện Long Hồ nhưng trang trại không bị ảnh hưởng. Điều này góp phần rất lớn vào việc đem lại hiệu quả chăn nuôi cho trang trại. Theo ước tính của chủ trang trại hàng năm tỉ lệ hao hụt trong chăn nuôi của toàn trại khoảng 5%, phần lớn ở giai đoạn heo mới sinh hoặc loại thải do heo không đạt chất lượng chăn nuôi.

#### **2.1.3.4. Cách thức và thời gian chăm sóc**

Việc chăm sóc cũng phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất của heo, nếu ta chăm sóc thường xuyên thì có thể phát hiện sớm các triệu chứng của heo để dễ dàng điều trị sớm. Bên cạnh đó khâu vệ sinh chuồng trại, nhiệt độ, ánh sáng của chuồng chăn nuôi cần phải thường xuyên quan tâm.

*Quy trình chăm sóc nuôi dưỡng heo thịt của trang trại*

- Sáng 7h cho heo ăn sau đó kiểm tra phân nước tiểu, kiểm tra tình trạng ăn uống, kiểm tra sức khỏe, kế tiếp hốt phân, dội chuồng. Trong vài ngày đầu từ lúc chuyển từ trại heo con cai sữa sang trại nuôi heo thịt nên hạn chế tắm cho heo vì lúc này heo chưa thích nghi được trong môi trường mới, lúc này chuyển sang thức ăn A<sub>30</sub> cho heo ăn.

- Trong 3 tuần đầu đổ thức ăn vào máng xi măng cho heo ăn mỗi lần 1 vá (1kg) cho heo ăn nhiều lần trong ngày.

- Mỗi ngày cọ rửa máng ăn thật sạch trước khi cho heo ăn.

- Nếu thấy heo ăn quá no thì phải giảm lượng thức ăn xuống để tránh heo bị bệnh E.coli.

Khi heo đạt trọng lượng từ 80 – 90 kg/con thì giảm thức ăn còn một nửa trong vài ngày ngày đầu. Sau đó cắt hẳn thức ăn cho thương lái xem rồi xuất chuồng.

**2.1.4. Hệ thống các chỉ tiêu kinh tế được sử dụng trong phân tích****2.1.4.1. Các khái niệm về doanh thu, chi phí, lợi nhuận****a. Chi phí**

Chi phí là tất cả những hao phí bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh để tiêu thụ sản phẩm hay là toàn bộ chi phí bỏ ra để sản xuất ra một sản phẩm nhất định.

Chi phí sản xuất chăn nuôi heo là tất cả những chi phí bỏ ra để thu được sản phẩm heo. Đối với heo thịt nó bao gồm các loại chi phí sau: chi phí mua con giống, chi phí thức ăn, chi phí thú y, chi phí tiền điện, chi phí tiền nước, chi phí chuồng trại, chi phí lao động, chi phí vay ngân hàng, chi phí vận chuyển thức ăn.

Chi phí gồm có hai loại đó là định phí và biến phí. Sự thay đổi của tổng chi phí là do sự thay đổi của biến phí. Khi sản lượng bằng không đồng nghĩa với việc không sản xuất lúc này chi phí bằng định phí.

$$\text{Chi phí} = \text{Biến phí} + \text{Định phí}$$

+ **Biến phí:** Là những mục chi phí thay đổi theo mức độ hoạt động của đơn vị. Mức độ hoạt động có thể là sản lượng sản phẩm sản xuất ra, sản lượng sản phẩm tiêu thụ, số giờ máy vận hành, có thể là tỷ lệ thuận trong một phạm vi hoạt



động. Chúng ta lưu ý rằng nếu xét về tổng số, biến phí thay đổi tỷ lệ thuận ngược lại nếu xem xét trên một mức độ hoạt động (1 sản phẩm) biến phí là một hằng.

Đối với chăn nuôi heo thịt biến phí bao gồm: chi phí mua heo giống, chi phí thức ăn, chi phí thú y, chi phí tiền điện, chi phí tiền nước, chi phí lao động thuê, chi phí lao động nhà, được quy ra tiền và những khoản chi phí khác.

+ **Định phí:** Là những chi phí mà tổng số của nó không thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi. Tuy nhiên nếu tính trên một đơn vị của mức độ hoạt động thì chi phí cố định thay đổi.

Định phí trong chăn nuôi heo: Chi phí chuồng trại, chi phí mua máy móc thiết bị như máy bơm nước, hệ thống điện, máy trộn thức ăn, chi phí mùng... và định phí khác.

### **b. Giá thành**

Giá thành sản phẩm heo là biểu hiện bằng tiền toàn bộ những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa được tính trên một con heo từ lúc mua con giống đến lúc xuất chuồng.

### **c. Doanh thu**

Doanh thu là toàn bộ số tiền sẽ thu được do tiêu thụ sản phẩm tức là tất cả số tiền mà người chăn nuôi nhận được khi bán sản phẩm heo hơi và số tiền tiết kiệm được từ sản phẩm phụ.

### **d. Lợi nhuận**

Lợi nhuận là chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh kết quả cuối cùng của hoạt động chăn nuôi heo nên có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến nó bao gồm cả nhân tố chủ quan và khách quan.

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{chi phí.}$$

#### **2.1.5.4. Các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất**

- *Hiệu quả sản xuất:* Trong chăn nuôi thì hiệu quả sản xuất được hiểu là việc so sánh giữa các yếu tố đầu vào và khối lượng đầu ra trong quá trình sản xuất chăn nuôi heo mà thông thường người ta nói tới tỷ suất lợi nhuận.

- *Tỷ suất lợi nhuận:* là tỷ suất nhằm đánh giá hiệu quả lợi nhuận của chi phí. Tỷ suất này cho biết một đồng chi phí đầu tư vào sản xuất thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận (\%)} = \text{Lợi nhuận} / \text{chi phí} * 100$$

- *Hiệu quả về chi phí sản xuất*: thể hiện một đồng chi phí bỏ ra thu được bao nhiêu đồng giá trị sản xuất hay bao nhiêu đồng thu nhập.

$$\text{Tỷ suất chi phí (\%)} = \text{chi phí} / \text{thu nhập} * 100$$

- *Hiệu quả kỹ thuật*: là việc sử dụng các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực,) đầu vào ít nhất để tạo ra một sản lượng nhất định.

## 2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập số liệu về tình hình chung số đầu heo của toàn huyện, số lượng trang trại chăn nuôi ...trang web của phòng kinh tế tỉnh Vĩnh Long.

- Thu thập số liệu về tình hình hoạt động, tình hình chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành từ các bảng kết toán chi phí, doanh thu, lợi nhuận cuối năm của chủ trang trại.

- Thu thập số liệu, thông tin về giá heo hơi, thông tin về xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi từ các sách báo, tạp chí, Internet.

- Số liệu về tình hình chăn nuôi heo thịt của nông hộ được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp nông hộ chăn nuôi heo thịt ở xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

+ *Cỡ mẫu*: Tổng số mẫu phỏng vấn trực tiếp là 30 mẫu.

+ *Phương pháp lấy mẫu là ngẫu nhiên phân tầng*: Trong xã chọn ra 3 ấp mỗi ấp chọn ra 10 hộ chăn nuôi heo thịt, các hộ này được chọn ra một cách ngẫu nhiên.

### 2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu

**Mục tiêu 1**: Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của trang trại Tân Nghĩa Thành tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Sử dụng phương pháp so sánh cụ thể là phương pháp số tương đối, số tuyệt đối để đánh giá tình hình hoạt động chung của trang trại.

Phương pháp so sánh là phương pháp xem xét một chỉ tiêu phân tích bằng cách dựa trên việc so sánh với một chỉ tiêu cơ sở (chỉ tiêu gốc)

+ *Phương pháp số tuyệt đối*: Là hiệu số của hai chỉ tiêu: chỉ tiêu kỳ phân tích và chỉ tiêu kỳ cơ sở. Ví dụ so sánh giữa kết quả thực hiện và kế hoạch hoặc kết quả thực hiện kỳ này và kỳ trước.

+ *Phương pháp số tương đối*: Là tỉ lệ phần trăm của chỉ tiêu kỳ phân tích so với kỳ gốc để thể hiện mức độ hoàn thành hoặc tỉ lệ của số chênh lệch tuyệt đối so với chỉ tiêu gốc để nói lên tốc độ tăng trưởng.

**Mục tiêu 2:** Phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành.

Các phương pháp phân tích số liệu sau:

- *Phương pháp tỷ trọng*: Phương pháp này dùng để nghiên cứu kết cấu những chỉ tiêu phân tích như các chỉ tiêu về chi phí chăn nuôi.

- *Phương pháp tỉ số*: Phương pháp này nhằm xem xét các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả hoạt động như các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận, các tỷ số phản ánh hiệu quả hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại.

- *Phương pháp thay thế liên hoàn*: Phương pháp này dùng để phân tích lợi nhuận của việc chăn nuôi heo thịt thông qua việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đến lợi nhuận của trang trại.

Phương pháp thay thế liên hoàn là phương pháp mà ở đó các nhân tố lần lượt được thay thế theo một trình tự nhất định để xác định chính xác mức độ ảnh hưởng của chúng đến chỉ tiêu cần phân tích bằng cách cố định các nhân tố khác trong mỗi lần phân tích

Xét các nhân tố quan hệ dạng tích số

Gọi Q là chỉ tiêu phân tích.

Gọi a, b, c là trình tự các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích

Thể hiện bằng phương trình:  $Q = a.b.c$

Đặt  $Q_1$ : kết quả kỳ phân tích,  $Q_1 = a_1.b_1.c_1$

$Q_0$ : kết quả kỳ gốc,  $Q_0 = a_0.b_0.c_0$

$\Rightarrow Q_1 - Q_0 = \Delta Q$ : mức chênh lệch giữa thực hiện so với kế hoạch, là đối tượng phân tích.

$$\Delta Q = Q_1 - Q_0 = a_1 b_1 c_1 - a_0 b_0 c_0$$

*Thực hiện phương pháp thay thế liên hoàn*

- Thay thế bước 1 (cho nhân tố a):  $a_0 b_0 c_0$  được thay thế bằng  $a_1 b_0 c_0$

Mức độ ảnh hưởng của nhân tố “a” sẽ là:

$$\Delta a = a_1 b_0 c_0 - a_0 b_0 c_0$$

- Thay thế bước 2 (cho nhân tố b):  $a_1 b_0 c_0$  được thay thế bằng  $a_1 b_1 c_0$

Mức độ ảnh hưởng của nhân tố “**b**” sẽ là:

$$\Delta b = a_1 b_1 c_0 - a_1 b_0 c_0$$

- Thay thế bước 3 (cho nhân tố c):  $a_1 b_1 c_0$  được thay thế bằng  $a_1 b_1 c_1$

Mức độ ảnh hưởng của nhân tố “**c**” sẽ là:

$$\Delta c = a_1 b_1 c_1 - a_1 b_1 c_0$$

Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, ta có:

$$\Delta a + \Delta b + \Delta c = (a_1 b_0 c_0 - a_0 b c_0) + (a_1 b_1 c_0 - a_1 b_0 c_0) + (a_1 b_1 c_1 - a_1 b_1 c_0)$$

$$= a_1 b_1 c_1 - a_0 b c_0$$

$$= \Delta Q: \text{đổi tượng phân tích}$$

Trong đó: Nhân tố đã thay ở bước trước phải được giữ nguyên cho các bước thay thế sau.

- Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý số liệu thu thập được về tình hình chăn nuôi heo của nông hộ nhằm phân tích hiệu quả chăn nuôi của nông hộ từ đó liên hệ với trang trại nhằm xem xét hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi heo thịt của trang trại.

**Mục tiêu 3:** Quan sát thực tế mô hình chăn nuôi, tham khảo ý kiến của chủ trang trại và những người trực tiếp lao động tại trang trại kết hợp với phân tích những thuận lợi, khó khăn của trang trại trong quá trình sản xuất; phân tích cơ hội và mối đe dọa của việc chăn nuôi heo thịt từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, phát huy thuận lợi, nắm bắt cơ hội và hạn chế những nguy cơ.

**Chương 3****PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRANG TRẠI  
TÂN NGHĨA THÀNH TẠI HUYỆN LONG HỒ,  
TỈNH VĨNH LONG****3.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU****3.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên – xã hội của huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.**

Huyện Long Hồ được hợp thành từ huyện Châu Thành Tây và huyện Cái Nhum vào năm 1977.

UBND huyện Long Hồ hoạt động được 4 năm thì tách ra làm hai huyện khác nhau là huyện Mang Thít và huyện Long Hồ.

Đến năm 1986 thì sáp nhập hai huyện Long Hồ và Mang Thít lại thành một huyện là huyện Long Hồ.

Đến năm 1992 huyện Long Hồ lại tách ra thành hai huyện Long Hồ và huyện Mang Thít cho đến nay.

Long Hồ là một trong bảy Huyện - Thị của tỉnh Vĩnh Long, diện tích tự nhiên 19.298 ha, thời điểm 31/12/ 2005 dân số là 33.593 hộ với 154.454 người (có 97.042 nữ), mật độ phân bố 800 người/ km<sup>2</sup>, dân số thành thị chiếm khoảng 5,8%, nông thôn chiếm khoảng 94,2%, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,15%.

Huyện chia làm 15 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 14 xã và 01 thị trấn (trong đó có 04 xã cù lao), tổng cộng 117 ấp-khóm, phần lớn cơ quan ban ngành huyện đặt tại Trung tâm Thị trấn Long Hồ (Khóm 5, Khóm 1 và Khóm 2); Lao động làm việc trong khu vực nhà nước là 2.196 người, làm việc trong các ngành kinh tế 82.887 người.

*Vị trí địa lý*

- Bắc giáp tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang.
- Tây giáp Thị xã Vĩnh Long và tỉnh Đồng Tháp.
- Nam giáp huyện Tam Bình.
- Đông giáp huyện Mang Thít.

*Địa hình*

Thuộc miền phù sa sông nước Cửu Long (hạ lưu sông Mê Kông), có nước ngọt quanh năm.

Đất đai tương đối bằng phẳng, có nhiều sông ngòi, ao, hồ, mương, rạch; có đất cù lao, bãi bồi và cồn mới nổi,...

*Khí hậu-Thủy văn*

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, mực thủy văn tăng giảm trên sông trong năm tương đối đều hoà, bão lũ triều cường có ảnh hưởng nhưng mức độ không lớn như các khu vực khác, nhiệt độ phần lớn dao động từ 32-37<sup>0</sup>C.

**3.1.2. Vài nét về tình hình chăn nuôi heo theo mô hình trang trại tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.**

Tỉnh Vĩnh Long hiện có hơn 374.000 con gia súc, trong đó đàn heo chiếm gần 83%. Trong những năm gần đây mặc dù tình hình chăn nuôi có nhiều biến động như giá thức ăn tăng cao, xuất hiện nhiều dịch bệnh trong tỉnh như dịch heo tai xanh ở huyện Long Hồ, Bình Minh, Bình Tân nhưng nhìn chung đàn heo của tỉnh có xu hướng tăng liên tục qua các năm. Số đầu heo năm 2006 là 288.000 con, năm 2007 là 304.200 con và đến tháng 10/2008 đàn heo toàn tỉnh là 310.379 con. Như vậy tổng đàn heo của tỉnh trong năm 2007 tăng 5,63% hay 16.200 con so với năm 2006. Đến năm 2008 số đầu heo của tỉnh tiếp tục tăng nhưng với tốc độ chậm lại. Năm 2008 tăng 2,03% hay 6.179 con so với năm 2007. với giá thức ăn ổn định cộng với giá heo hơi tăng cao như hiện nay, tình hình chăn nuôi heo của toàn tỉnh đang có xu hướng phát triển trở lại theo hướng giảm số lượng chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng số lượng các cơ sở chăn nuôi có quy mô lớn kể cả doanh nghiệp, chăn nuôi theo hướng tự sản xuất giống, chất lượng heo giống cao theo hướng nạc hóa và chủ động khâu tiêu thụ.

Toàn tỉnh hiện có trên 379 trang trại có 111 trang trại được cấp giấy chứng nhận với 4 loại hình hoạt động là trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và trang trại tổng hợp. Trong đó, trang trại chăn nuôi là 72 chiếm 19% trên tổng số trang trại của toàn tỉnh. Nhìn chung tình hình trang trại chăn nuôi trong toàn tỉnh hiện nay vẫn còn mang tính chất manh mún, rời rạc.

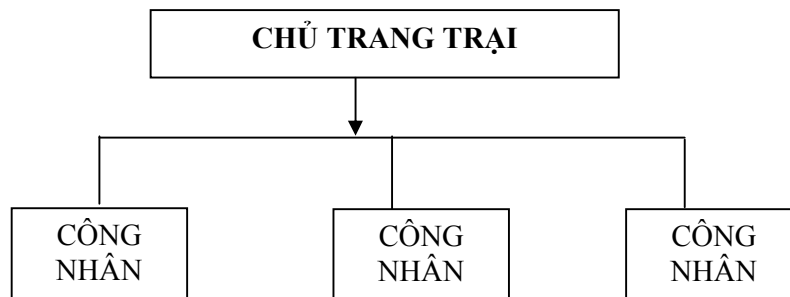
### 3.2. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH TẠI HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG.

#### 3.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của trại heo Tân Nghĩa Thành.

- ✿ Tên cơ sở kinh doanh: Doanh Nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành
- ✿ Giấy phép kinh doanh số: 5401000108
- ✿ Mã số thuế: 1500366759
- ✿ Vốn đăng ký kinh doanh ban đầu: 3,185,000,000 đồng.
- ✿ Địa chỉ: 56A/4 ấp An Phú A, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- ✿ Điện thoại: 0703851726
- ✿ Chủ doanh nghiệp: bà Đặng Thị Thu Hà

Trang trại được thành lập từ năm 2000 với quy mô nhỏ theo danh nghĩa doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản. Sang năm 2004 quy mô hoạt động của trang trại được mở rộng sang lĩnh vực chăn nuôi heo và lấy tên là trại heo giống cao sản doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành do bà Đặng Thị Thu Hà làm chủ doanh nghiệp, trưởng trại là ông Trương Thành Nghĩa.

#### 3.2.2. Cơ cấu tổ chức



**Hình 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP**

**3.2.2.1. Tình hình nhân sự****Bảng 1: CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA TRANG TRẠI NĂM 2008**

| Chỉ tiêu                  | Số lượng | Trình độ học vấn | Số năm làm việc | Mức lương (đồng/tháng) | Tổng tiền lương (đồng) |
|---------------------------|----------|------------------|-----------------|------------------------|------------------------|
| <b>Chủ trại</b>           | 1        | Đại học          | 10              | -                      | -                      |
| <b>Kế toán</b>            | 1        | Đại học          | 6               | -                      | -                      |
| <b>Lao động trực tiếp</b> | 6        | Trung học        | 6               | 2.000.000              | 12.000.000             |

*Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp*

Do tính chất sản xuất của trang trại không đòi hỏi nhiều lao động cho nên nhìn chung cơ cấu tổ chức của trang trại tương đối đơn giản. Tuy nhiên trang trại cũng có sự phân công lao động một cách hợp lý và đảm bảo tiêu chuẩn cho ngành sản xuất.

Nhìn từ bảng 1 ta thấy

- Trình độ học vấn của lao động trang trại tương đối cao. Đây là một lợi thế rất lớn của trang trại trong việc vận dụng linh hoạt, tiếp thu thông tin nhanh, tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong chăn nuôi. Trong chăn nuôi bên cạnh việc dựa vào kinh nghiệm thực tế thì đòi hỏi người chăn nuôi phải có một kiến thức chuẩn khi đó mới nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

- Số năm làm việc cũng như số năm kinh nghiệm trong chăn nuôi của công nhân trực tiếp lao động khá cao. Chứng tỏ rằng chính sách thuê mướn công nhân của trang trại khá tốt.

Trang trại được thành lập năm 2000 lúc đầu chăn nuôi khoảng 50 con heo nái với 2 lao động thuê mướn mức lương 1 triệu đồng/tháng/người. Đến năm 2004 số lao động tăng lên 4 người với mức lương 1,4 triệu/tháng/người. Năm 2006, do trang trại mở rộng quy mô lên đến 169 con nái nên trại tăng cường thêm 2 lao động đồng thời cũng tăng mức lương lên đến 1,8tr/tháng/người. Và đến nay mức lương công nhân lao động trực tiếp là 2 triệu. (Nguồn bộ phận kế toán doanh nghiệp)

Song khi quy mô trang trại mở rộng cần tăng cường thêm nhân sự để tránh tình trạng quá tải công việc cho trưởng trại



### 3.2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng đối tượng trong trang trại

Trang trại Tân Nghĩa Thành thuộc loại hình trang trại gia đình.

*Chủ trang trại:* bà Đặng Thị Thu Hà, cũng là kế toán của doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý nguồn thu chi của toàn trang trại. Bà là một cán bộ công chức về hưu có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán.

*Trưởng trại:* ông Trương Thành Nghĩa chịu trách nhiệm quản lý chung, giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp đồng thời cũng là kỹ thuật chính của trang trại, là người gắn bó trực tiếp với công việc chăn nuôi của trang trại. Ông là một cán bộ công chức về hưu có mối quan hệ rất rộng rãi, có tinh thần học hỏi rất cao. Phần lớn các kinh nghiệm và kỹ thuật ứng dụng trong chăn nuôi được ông thu thập từ sách vở, ngoài ra ông thường xuyên tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi. Tất cả những điều đó giúp ông có một kiến thức chuẩn về chăn nuôi và kinh doanh đưa trang trại ngày càng hoạt động có hiệu quả.

*Công nhân trực tiếp chăn nuôi:* chịu trách nhiệm chăm sóc toàn phần đàn vật nuôi của trại.

### 3.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của trang trại

#### 3.2.3.1. Chức năng, nhiệm vụ hoạt động

- Tổ chức chăn nuôi heo nái thế hệ ông bà và bố mẹ, heo đực giống để tạo ra con giống và tinh có năng suất chất lượng cao cung cấp cho các cơ sở chăn nuôi trong vùng.

- Sản xuất thịt heo cho nhu cầu thực phẩm trong nước và xuất khẩu

- Tạo việc làm và thu nhập cho dân cư trong vùng.

- Tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật chăn nuôi heo công nghiệp và chuyên giao đến cho người chăn nuôi.

#### 3.2.3.2. Nội dung hoạt động

- Sản xuất và cung cấp heo con giống cho một số trại của công ty thức ăn gia súc Long Châu và CP, cung cấp heo con giống cho các hộ chăn nuôi xung quang vùng.

- Chăn nuôi heo thịt thương phẩm theo mô hình khép kín: Tự sản xuất giống, vỗ béo heo thịt và tận dụng chất thải chăn nuôi để nuôi cá.

- Đại lý thức ăn gia súc.

### **3.2.4. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động.**

#### **3.2.4.1. Thuận lợi**

Trang trại có vị trí địa lý, giao thông thuận lợi cho việc vận chuyển thức ăn cũng như vận chuyển heo con giống và heo thịt cung cấp cho khách hàng. Trại heo giống cao sản doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành thuộc ấp An Phú A, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long được giới hạn bởi:

- Phía Đông giáp với xã Bình Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Phía Tây giáp với quốc lộ 53 cách trại 350m.
- Phía Nam cũng là hướng công chính giáp với tỉnh lộ huyện Mang Thít.
- Phía Bắc giáp với ruộng.

Trang trại được xây dựng trên khu đất cao ráo, thông thoáng xa khu dân cư, xa trường học, nên tạo được không gian yên tĩnh, thích hợp cho việc nái sinh đẻ, tiết sữa nuôi con của heo nái và sự phát triển của đàn heo con.

Trang trại sản xuất heo giống cao sản của doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành được xét là một dự án nằm trong luật khuyến khích đầu tư trong nước tham gia vào chương trình phát triển chăn nuôi nên được hưởng nhiều chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, vay vốn với lãi suất ưu đãi.

#### **3.2.4.2. Khó khăn**

Trong khoảng thời gian đầu thành lập trang trại gặp không ít khó khăn về con giống, thức ăn, vốn đầu tư, kinh nghiệm chăn nuôi chưa nhiều nên tỷ lệ hao hụt cao, thời gian chăn nuôi dài làm cho giá thành sản xuất cao. Bên cạnh đó thị trường tiêu thụ chưa ổn định chủ yếu là cung cấp heo con giống cho các hộ chăn nuôi xung quanh vùng. Tuy nhiên hiện nay tình hình hoạt động của trang trại đã đi vào ổn định như: con giống tốt đạt năng suất cao, khỏe mạnh, mau lớn, nguồn thức ăn hỗn hợp chất lượng cao, thị trường tiêu thụ ổn định: trang trại đã ký được hợp đồng cung cấp heo con giống cho công ty thức ăn Long Châu và nhận làm đại lý thức ăn từ công ty nên có thể chủ động được nguồn thu từ bán hàng.

#### **3.2.4.3. Phương hướng phát triển của trang trại**

Hiện nay trang trại đã đi vào phát triển ổn định và đang có kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh. Tháng 6 năm 2008 vừa qua trang trại vừa trình lên Ủy Ban Nhân Dân huyện Long Hồ xin phê duyệt dự án xây dựng trại heo giống cao

sản với quy mô 300 con nái, tổng vốn đầu tư của dự án hơn 11 tỷ đồng. Điều đó cho thấy trang trại đã khẳng định được vị thế của mình và được công nhận là trang trại lớn nhất và hoạt động có hiệu quả nhất tỉnh Vĩnh Long.

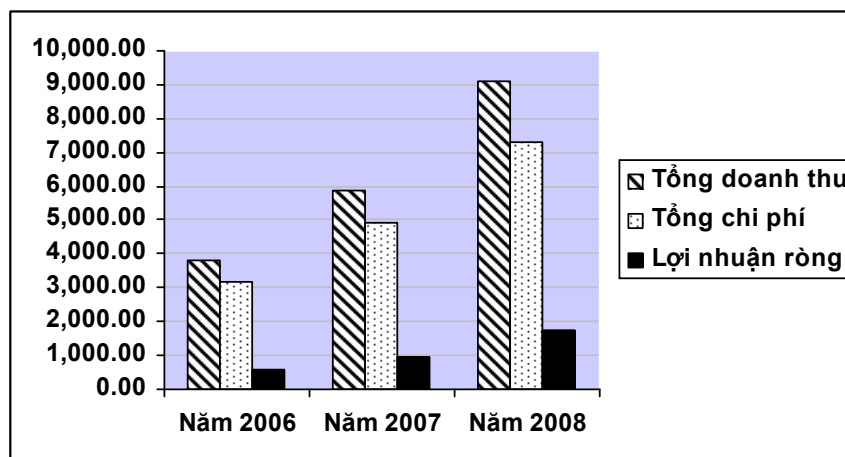
### 3.2.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của trang trại Tân Nghĩa Thành qua 3 năm (2006-2007-2008)

**Bảng 2: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu               | Năm 2006        | Năm 2007        | Năm 2008        | Chênh lệch 07/06 |              | Chênh lệch 08/07 |              |
|------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|                        | Giá trị         | Giá trị         | Giá trị         | Giá trị          | %            | Giá trị          | %            |
| <b>A. Tổng thu</b>     | <b>3.797,94</b> | <b>5.879,56</b> | <b>9.085,98</b> | <b>2.081,62</b>  | <b>54,81</b> | <b>3.206,42</b>  | <b>54,53</b> |
| 1. Đại lý thức ăn      | 98,60           | 122,08          | 139,44          | 23,48            | 23,81        | 17,36            | 14,22        |
| 2. Cá                  | 164,00          | 209,25          | 245,70          | 45,25            | 27,59        | 36,45            | 17,42        |
| 3. Trồng trọt          | 90,00           | 90,00           | 90,00           | -                | -            | -                | -            |
| 4. Heo con giống       | 2.421,90        | 3.427,60        | 4.971,20        | 1.005,70         | 41,53        | 1.543,60         | 45,03        |
| 5. Heo thịt            | 1.023,44        | 2.030,63        | 3.639,64        | 1.007,19         | 98,41        | 1.609,01         | 79,23        |
| <b>B. Tổng chi phí</b> | <b>3.190,26</b> | <b>4.903,55</b> | <b>7.314,21</b> | <b>1.731,29</b>  | <b>53,70</b> | <b>2410,66</b>   | <b>49,16</b> |
| <b>C. Lợi nhuận</b>    | <b>607,68</b>   | <b>976,01</b>   | <b>1771,77</b>  | <b>368,33</b>    | <b>60,61</b> | <b>795,76</b>    | <b>81,53</b> |

Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp



**Hình 2: Kết quả hoạt động kinh doanh**

Căn cứ vào bảng số liệu trên ta thấy từ năm 2006 đến năm 2008 lợi nhuận của trang trại tăng liên tiếp qua 3 năm. Năm 2007 lợi nhuận là 976,01 triệu đồng tăng hơn so với năm 2006 là 368,33 triệu đồng hay 60,61%. Đến năm 2008 lợi nhuận tiếp tục tăng mạnh lên đến 177,77 triệu đồng tăng 795,76 triệu tương đương 81,53% so với năm 2007.

Lợi nhuận tăng là do doanh thu tăng và chi phí cũng tăng nhưng doanh thu tăng cao hơn chi phí.

Cũng từ bảng số liệu trên ta thấy tổng doanh thu của trang trại tăng liên tục qua các năm, từ 3797,94 triệu đồng năm 2006 lên 5717,11 triệu đồng năm 2007 (tương đương tăng 50,53%). Sang năm 2008, tổng doanh thu tiếp tục tăng lên 9020,24 triệu đồng, tăng 57,78% so với năm 2007

Tổng doanh thu trang trại do nhiều nguồn thu mang lại: hưởng hoa hồng từ đại lý thức ăn gia súc, thu hoạch cá, trồng trọt, từ việc xuất bán heo con giống và heo thịt. Nhìn chung, doanh thu từ các khoản mục đều tăng. Trong đó ảnh hưởng nhiều nhất đến tổng doanh thu là doanh thu từ bán heo con giống (chiếm trên 50%) và doanh thu từ bán heo thịt (chiếm 30%). Cho nên khi tìm hiểu về tình hình doanh thu của trang trại đề tài chỉ tập trung nghiên cứu về sự tăng trưởng của hai nguồn thu này.

+ *Về kinh doanh heo thịt.*

Ta thấy doanh thu từ heo thịt cũng tăng đều qua các năm. Từ 1023,44 triệu đồng năm 2006 lên 1868,18 triệu đồng năm 2007 (tương đương tăng 82,54%). Sang năm 2008, doanh thu tiếp tục tăng lên 3.639,64 triệu đồng, tăng 79,23% so với năm 2007. Doanh thu tăng mạnh như vậy là do sản lượng bán tăng và giá bán sản phẩm cũng tăng.

+ *Về kinh doanh heo con giống:* Đây là nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu nhập của trang trại. Từ bảng 2 ta thấy doanh thu heo con giống luôn tăng qua các năm. Năm 2006, doanh thu là 2421,9 triệu đến năm 2007 tăng lên 3427,6 triệu (tương đương 41,53%). Sang năm 2008 tăng lên 4971,2 triệu đồng hay 45,03%. Doanh thu tăng như vậy là do sản lượng heo con giống được tiêu thụ tăng, thêm vào đó giá bán/sản phẩm cũng tăng lên. Do trang trại đã tìm nguồn tiêu thụ ổn định. Từ năm 2004, trang trại đã ký được hợp đồng với công ty thức ăn gia súc Long Châu ở Đồng Nai làm đại lý phân phối thức ăn gia súc cho

công ty đồng thời công ty nhận tiêu thụ heo con giống trở lại cho trang trại. Theo ước tính hiện nay, mỗi tháng trang trại cung cấp cho công ty hơn 100 heo con giống.

Về chi phí, nhìn chung chi phí sản xuất của trang trại cũng tăng qua 3 năm. Năm 2006 là 3.190,26 triệu đồng đến năm 2007 là 4.903,55 triệu đồng tăng 1.731,29 triệu đồng hay 53,70% sang năm 2008 chi phí tăng lên 7.314,21 triệu tăng 2410,66 triệu đồng hay 49,16% so với năm 2007. Chi phí tăng là do trang trại đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi, xây thêm chuồng trại, mua sắm thêm máy móc phục vụ sản xuất. Mặc khác trong những năm qua giá thức ăn chăn nuôi không ngừng tăng cũng làm cho tổng chi phí tăng lên.

Qua đó ta thấy Trang trại ngày càng mở rộng quy mô hoạt động và kinh doanh ngày càng có hiệu quả.

**Chương 4****PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH****4.1. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI****4.1.1. Về các yếu tố đầu vào của trang trại****4.1.1.1. Cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư ban đầu**

- *Vốn*: Vốn được xem là một yếu tố nhập lượng bao gồm tất cả các trang thiết bị, máy móc được sử dụng trong quá trình sản xuất. Trong chăn nuôi heo, vốn được sử dụng để đầu tư xây dựng chuồng trại, mua sắm máy móc như máy bơm nước, hạ thế điện, xây dựng đường đi nội bộ, ao xử lý chất thải, biogas.

Vốn đầu tư ban đầu của trang trại đến thời điểm hiện nay ước tính là 6,5 tỷ đồng trong đó 3,5 tỷ hình thành từ vốn chủ sở hữu của trang trại, phần còn lại hình thành từ nguồn vốn vay.

- *Đất đai*: Tổng diện tích đất trong trang trại là: 22.500m<sup>2</sup>

+ Diện tích chăn nuôi: 6000m<sup>2</sup> trong đó dùng cho chăn nuôi heo thịt là 1200m<sup>2</sup>

+ Diện tích thủy sản: 6000m<sup>2</sup>

+ Diện tích trồng cây: 8500m<sup>2</sup>

+ Diện tích nhà ở và nhà kho là: 2000m<sup>2</sup>

- *Nguồn nước*: Trại sử dụng nguồn nước sông để tắm heo, sử dụng nước máy để cho heo uống. Đôi khi cũng phải bơm nước sông lên cho heo uống vì nhà máy nước cúp nước. Trại chỉ có 4 máy bơm nước điện để tắm heo, trường hợp cúp điện chỉ hốt phân.

- *Nguồn điện*: Nguồn điện được sử dụng trong trang trại tương đối mạnh, trại đã hạ thế và mua riêng một bình điện sử dụng riêng cho trại và gia đình. Trại hiện không có máy dầu phát điện khi cúp điện

- *Chuồng trại*: Toàn trại chia thành 2 khu: trại A và trại B

Trại A: có 8 dãy chuồng

+ 1 dãy nái nuôi con

+ 4 dãy nái khô và nái chữa

- + 1 dãy nọc
- + 1 dãy cai sữa
- + 1 dãy nái hậu bị

Trại B có 5 dãy chuồng

- + 1 dãy nuôi heo thịt
- + 3 dãy nuôi heo cai sữa được 45 ngày tuổi trở lên
- + 1 dãy nuôi heo cai sữa trại A mới chuyển xuống

Chuồng được xây dựng theo kiểu mái đôi hướng Đông Bắc – Tây Nam để tránh mưa tạt gió lùa.

- + Chiều cao của nóc dài 5m
- + Chiều cao của mái 3,2m
- + Khung chuồng bằng sắt
- + Mái lợp bằng tole

Trên nóc có hệ thống làm mát bằng vòi phun sương chạy bằng motuer

Toàn trại có 3 kiểu chuồng chính:

- + Chuồng lồng cá thể: giành để nuôi nái chữa và nái khô
- + Chuồng sàn lồng: giành nuôi heo nái nuôi con
- + Chuồng nền : giành nuôi heo thịt, heo hậu bị, heo đực giống, heo cai sữa

Chuồng giành cho heo thịt có kích thước như sau: 8mx3,2mx1m (dài x rộng x cao). Có 2 núm uống giành cho heo thịt ở giai đoạn sau và hậu bị. Hai núm được đặt ở gần tường nhằm đảm bảo cho chuồng luôn khô ráo. Máng ăn được xây bằng xi măng dạng hình chữ nhật dài 3,2m, rộng 0,3m, sâu 0,1m.

Đường thoát phân được xây dựng bằng hệ thống ống ngầm dưới nền chuồng, sau đó đổ ra 2 đường thoát phân nằm dọc theo 2 bên thành trại từ trước ra sau với kích thước ngang 40cm, dài 50cm, cao 60m được xây dựng bằng bê tông kiên cố

Đường mương bao quanh mỗi dãy chuồng đến hầm biogas, thông ra ao cá.

Hành lang được xây dựng ở đầu mỗi dãy chuồng rất rộng, nên thuận tiện cho việc tắm heo và vận chuyển thức ăn.

Hệ thống phun sương nhỏ giọt được lắp đặt trên tất cả các ô chuồng gắn trên mái nhà, hệ thống này được mở làm mát heo khi trời nóng.

**4.1.2. Tình hình chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành****4.1.2.1. Tình hình chung về chăn nuôi heo thịt của trang trại qua ba năm (2006-2007-2008).****Bảng 3: TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI  
QUA BA NĂM**

| Chỉ tiêu                          | Đơn vị tính    | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Chênh lệch 07/06 |       | Chênh lệch 08/07 |        |
|-----------------------------------|----------------|----------|----------|----------|------------------|-------|------------------|--------|
|                                   |                |          |          |          | Giá trị          | %     | Giá trị          | %      |
| <b>Diện tích chuồng</b>           | m <sup>2</sup> | 800      | 800      | 1200     | 400              | 50,00 | 0                | 0,00   |
| <b>Mật độ TB</b>                  | m <sup>2</sup> | 2,8      | 2,5      | 2,5      | 0,5              | 17,86 | -0,8             | -24,24 |
| <b>Số Chu kỳ nuôi</b>             | Lứa            | 2,5      | 2,5      | 2,5      | 0                | 0     | 0                | 0      |
| <b>Thời gian một chu kỳ</b>       | Tháng          | 4        | 4        | 4        | 0                | 0     | 0                | 0      |
| <b>Số lượng heo nuôi</b>          | Con            | 700      | 900      | 1.200    | 200              | 28,57 | 300              | 33,33  |
| <b>Trọng lượng con giống TB</b>   | Kg/con         | 20       | 20       | 20       | 0                | 0,00  | 0                | 0,00   |
| <b>Số lượng heo xuất chuồng</b>   | con            | 669      | 854      | 1.140    | 185              | 27,65 | 286              | 33,49  |
| <b>Trọng lượng xuất chuồng TB</b> | Kg/con         | 95       | 95       | 95       | 0                | 0,00  | 0                | 0,00   |

*Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp*

Căn cứ vào bảng số liệu trên ta thấy

- Quy mô chăn nuôi của trang trại ngày càng được mở rộng. Năm 2006, số lượng heo thịt chăn nuôi là 700 con trên tổng diện tích chuồng là 800 m<sup>2</sup>, mật độ trung bình trên một con khá lớn là 2,8 m<sup>2</sup>. Đến năm 2007 trại tăng số lượng nuôi lên 900 con với diện tích chuồng không đổi. Sang năm 2008, trại xây thêm một dãy chuồng và nâng tổng đàn heo thịt lên 1200 con trên tổng diện tích chuồng 1200m<sup>2</sup>, mật độ trung bình là 2,5m<sup>2</sup>. Tuy nhiên mật độ chăn nuôi vẫn còn khá lớn. Theo chủ trang trại cho biết mật độ thích hợp tối thiểu cho heo thịt là 2m<sup>2</sup> số lượng chăn nuôi ứng với mật độ này là 600 con. Như vậy trại vẫn chưa sử dụng hết công suất của chuồng.

- Số chu kỳ nuôi một năm là 2,5 lứa, thời gian nuôi là 4 tháng trên một chu kỳ nuôi, trọng lượng xuất chuồng bình quân 95 kg/con và hầu như ổn định qua



các năm. Theo bộ phận kỹ thuật trang trại ước tính trọng lượng xuất chuồng bình quân 95 kg là tốt nhất vì qua giai đoạn này vật nuôi sẽ tiêu thụ thức ăn nhiều hơn nhưng tăng trọng ít hơn và có khả năng tích lũy mỡ nhiều hơn nên chất lượng thịt sẽ thấp hơn có thể làm cho giá bán giảm.

Nhìn chung tình hình chăn nuôi heo thịt của trang trại tương đối ổn định và có xu hướng mở rộng. Điều này chứng tỏ hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại có hiệu quả.

#### 4.1.2.2. Tỷ lệ heo thịt trong tổng đàn vật nuôi của trang trại

**Bảng 4 : CƠ CẤU ĐÀN CỦA TRANG TRẠI TỪ 2006 – 2008**

| Loại heo                | Năm 2006    |            | Năm 2007    |            | Năm 2008    |            |
|-------------------------|-------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|
|                         | Số con      | Tỷ lệ (%)  | Số con      | Tỷ lệ (%)  | Số con      | Tỷ lệ (%)  |
| <b>Heo con</b>          | 3533        | 80,17      | 4180        | 79,08      | 5225        | 78,18      |
| <b>Heo đực giống</b>    | 5           | 0,11       | 6           | 0,11       | 8           | 0,12       |
| <b>Heo nái sinh sản</b> | 169         | 3,83       | 200         | 3,78       | 250         | 3,74       |
| <b>Heo thịt</b>         | 700         | 15,88      | 900         | 17,03      | 1200        | 17,96      |
| <b>Tổng</b>             | <b>4407</b> | <b>100</b> | <b>5286</b> | <b>100</b> | <b>6683</b> | <b>100</b> |

*Nguồn: Bộ phận kỹ thuật*

Xét về tỷ trọng heo thịt trong tổng đàn vật nuôi của trang trại ta thấy heo thịt chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ nhưng có xu hướng tăng dần qua các năm. Từ 700 con năm 2006 chiếm 15,88% trong cơ cấu đàn tăng lên 900 con tương đương 17,03% và đến năm 2008 lên đến 1200 con hay 17,96%. Điều này cho thấy hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại trong những năm qua có hiệu quả nên trang trại không ngừng mở rộng quy mô chăn nuôi.

## 4.2 PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH

Để phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại, đề tài chọn hướng phân tích dựa trên sự tổng hợp chi phí, doanh thu của trang trại theo mỗi đợt chăn nuôi kết hợp với việc thu thập số liệu thông qua phỏng vấn trực tiếp 30 nông hộ chăn nuôi heo thịt trong huyện cụ thể ở xã Long An ứng theo đợt chăn nuôi của trang trại, tiến hành xử lý số liệu bằng chương trình SPSS để đưa ra các khoản

mục chi phí bình quân ứng với các khoản mục chi phí của trang trại. Sau đó phân tích hiệu quả chăn nuôi của trang trại trên cơ sở liên hệ với nông hộ.

Do tính phức tạp của các khoản chi phí trong chăn nuôi heo thịt nên việc thu thập số liệu gặp không ít khó khăn. Mặc khác do tình hình giá heo hơi, giá thức ăn gia súc, giá thuốc thú y biến động bất thường cho nên để số liệu thu thập và kết quả không bị sai lệch lớn, bài phân tích chọn mốc thời gian gần nhất để phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại. Trong bài phân tích này đề cập đến 2 lứa heo trong năm 2008.

#### **4.2.1. Tình hình chi phí trong chăn nuôi**

Chi phí là khoản mục quan trọng để đo lường hiệu quả của mô hình chăn nuôi, chi phí càng thấp chứng tỏ người nuôi có phương pháp chăn nuôi hiệu quả.

Để đánh giá tính hiệu quả sản xuất trong chăn nuôi đòi hỏi cần xác định và phân tích từng khoản mục chi phí điều này giúp người chăn nuôi kết hợp các nguồn đầu vào trong quá trình sản xuất có hiệu quả. Chi phí trong chăn nuôi gồm có các khoản sau:

- Các biến phí: chi phí con giống, chi phí thức ăn, chi phí thú y, chi phí điện nước, chi phí lao động thuê, chi phí khác. Cách tính từng loại biến phí trên một kg heo hơi như sau: Lấy tổng biến phí theo từng khoản mục cho mỗi đợt nuôi chia cho tổng sản lượng xuất bán mỗi đợt.

- Các định phí: chi phí chuồng trại, máy móc, định phí khác, tính định phí phân bổ cho mỗi đợt sau đó chia cho tổng sản lượng xuất bán mỗi đợt.

Chi phí lao động: Theo chủ trang trại cho biết tổng đàn heo thịt nuôi năm 2008 là 1200 con bình quân 400 con/lứa cộng với quy mô chuồng kiên cố và cách thiết kế máng ăn thuận tiện, thừa ăn cho heo ăn hoàn toàn là thức ăn tổng hợp đã trộn sẵn nên ước tính chỉ cần thuê một lao động trực tiếp chăn nuôi kết hợp với sự hỗ trợ chăm sóc của cán bộ kỹ thuật mỗi khi tiêm ngừa hay điều trị bệnh. Cách tính chi phí lao động như sau:

+ Đối với lao động thuê: Tính số lương thực lãnh trong tháng nhân cho 12 tháng ra được tổng tiền lương trong năm. Tiếp theo lấy tổng tiền lương chia cho tổng số con heo thịt nuôi trong năm ta được chi phí lao động trên 1 con, sau đó lấy chi phí này chia cho trọng lượng bình quân xuất chuồng của 1 con ta được chi phí lao động trên 1 kg heo hơi.

+ Đối với lao động nhà: chủ yếu là trưởng trại cũng là người trực tiếp phụ trách phần kỹ thuật thú y cho đàn heo. Theo ông cho biết nếu thuê một cán bộ kỹ thuật phụ trách toàn trại, tiền lương mỗi tháng bình quân khoảng 2,5 – 3 triệu/tháng. Dựa vào mức độ chăm sóc ta có thể phân bổ chi phí lao động nhà dành cho nuôi heo thịt khoảng 30% trên tổng chi phí. Theo cách tính tương tự đối với lao động thuê ta được chi phí lao động nhà trên 1 kg heo hơi.

#### 4.2.1.1. Phân tích chi phí đợt 1 – 2008

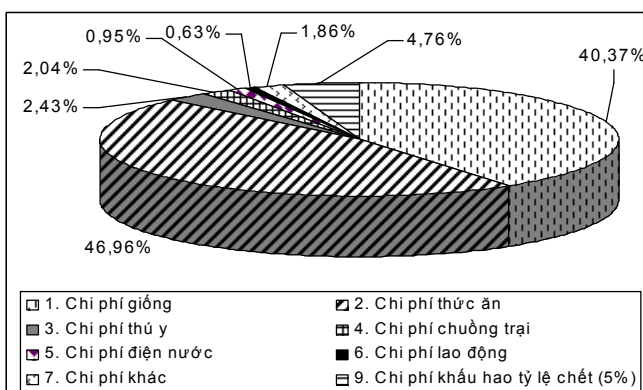
**Bảng 5: TỶ TRỌNG CHI PHÍ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI VÀ NÔNG HỘ ĐỢT 1-2008**

Đơn vị tính : Đồng

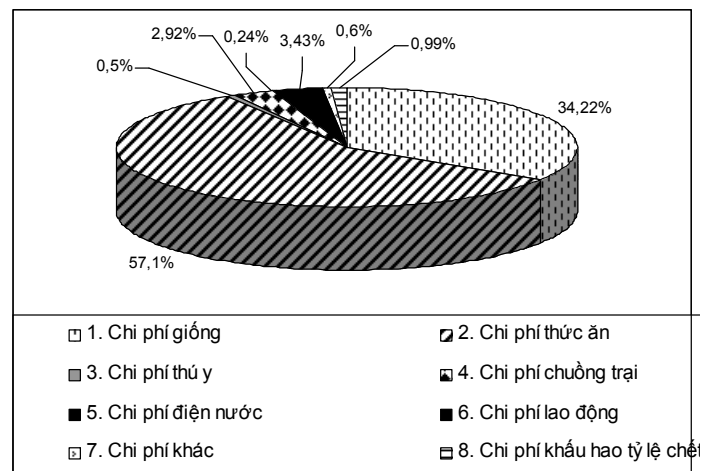
| KHOẢN MỤC                      | TRANG TRẠI(*)    |        | NÔNG HỘ(**)      |        | TRANG TRẠI/NÔNG HỘ |        |
|--------------------------------|------------------|--------|------------------|--------|--------------------|--------|
|                                | Giá trị          | %      | Giá trị          | %      | Giá trị            | %      |
| 1. Chi phí giống               | 12.252,00        | 40,37  | 10.625,00        | 34,22  | 1.627,00           | 15,31  |
| 2. Chi phí thức ăn             | 14.252,63        | 46,96  | 17.729,17        | 57,10  | -3.476,54          | -19,61 |
| 3. Chi phí thú y               | 736,84           | 2,43   | 154,17           | 0,50   | 582,67             | 377,94 |
| 4. Chi phí chuồng trại         | 619,65           | 2,04   | 907,60           | 2,92   | -287,95            | -31,73 |
| 5. Chi phí điện nước           | 288,22           | 0,95   | 74,90            | 0,24   | 213,32             | 284,81 |
| 6. Chi phí lao động            | 192,01           | 0,63   | 1.065,83         | 3,43   | -873,82            | -81,98 |
| 7. Chi phí khác                | 565,01           | 1,86   | 185,00           | 0,60   | 380,01             | 205,41 |
| 8. Chi phí khấu hao tỷ lệ chết | 1.445,32         | 4,76   | 307,41           | 0,99   | 1137,91            | 370,16 |
| 9. Tổng chi phí thực tế        | <b>30.351,68</b> | 100,00 | <b>31.049,08</b> | 100,00 | -697,40            | -2,25  |

Nguồn: (\*) Bộ phận kế toán và kỹ thuật chăn nuôi của trang trại.

(\*\*) Điều tra trực tiếp nông hộ chăn nuôi năm 2008



**Hình 4: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 1-2008 của trang trại**



**Hình 5: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 1-2008 của nông hộ**

Kết quả ở bảng 5, ta thấy chi phí thức ăn, chi phí con giống ảnh hưởng nhiều nhất đến tổng chi phí của trang trại.

- Chi phí thức ăn có giá trị bình quân là 14.252,63 đồng/kg, chiếm tỷ trọng cao nhất (46,96%). Gần đây do thiếu nguồn nguyên liệu chế biến nên giá thức ăn tăng cao. Mặt khác trang trại cho heo ăn hoàn toàn bằng thức ăn tổng hợp cho nên khi chi phí thức ăn tăng cao sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tổng chi phí chăn nuôi làm cho giá thành chăn nuôi tăng cao điều này ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận chăn nuôi của trang trại.

Tuy nhiên nếu so sánh với nông hộ thì lượng chi phí này vẫn nhỏ hơn 3.476,54 đồng vì trang trại được ưu thế là heo tăng trọng nhanh hơn nên thời gian nuôi ngắn hơn (trung bình là 4 tháng cho một đợt nuôi) do đó tổng lượng thức ăn để tạo ra một kg heo hơi sẽ ít hơn. Trong khi đó, mặt dù trong quá trình chăn nuôi nông hộ thường sử dụng những loại thức ăn truyền thống như gạo tấm cám có giá thấp hơn thức ăn thức ăn tổng hợp. Tuy nhiên năm 2008 do ảnh hưởng của giá lúa tăng cao nên giá của những loại thức ăn trên tăng lên khá cao, hơn nữa những loại thức ăn này thường không cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cho heo nên thời gian nuôi của nông hộ thường khá dài trung bình 5 tháng trên một đợt điều này làm cho tổng chi phí thức ăn cũng tăng cao.

Chi phí con giống, điều đáng lưu ý ở đây là tuy trang trại tự sản xuất con giống nhưng chi phí con giống của trang trại cũng tương đối cao 12.252đồng/kg chiếm 43,23% tổng chi phí và cao hơn chi phí con giống của hộ chăn nuôi là

1.627đồng/kg. Nguyên nhân là do, phần lớn các hộ chăn nuôi thường sử dụng con giống địa phương. Một số hộ tự tạo giống heo để nuôi, một số thì đi mua heo con giống về nuôi nên chi phí con giống tương đối thấp phụ thuộc rất nhiều về giá mua heo con giống. Ở đây trang trại áp dụng phương pháp lai giống nhân tạo, tự chủ từ khâu nuôi heo bố mẹ nên khi tính giá thành cho một con heo giống hạch toán đầy đủ chi phí từ khâu chuẩn bị đến khâu sản xuất nên giá thành thường cao hơn. Tuy nhiên trang trại được lợi thế trong việc lựa chọn con giống tốt, tất cả con giống heo thịt của trang trại là ưu thế lai 3 – 4 máu của các giống Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain đây là những giống heo ngoại có phẩm chất tốt và cho năng suất cao nên có thể rút ngắn thời gian nuôi. Song sẽ tốt hơn nếu trang trại tìm cách giảm bớt chi phí sản xuất con giống sẽ làm cho giá thành sản xuất của trang trại thấp hơn và điều đó làm cho lợi nhuận từ hoạt động nuôi heo thịt của trang trại được cải thiện hơn.

Những chi phí khác của trang trại và nông hộ chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ trên tổng chi phí. Nhìn chung, các loại chi phí này ở trang trại phần lớn đều thấp hơn của nông hộ. Diễn hình như:

+ Chi phí chuồng trại: Ở đây trang trại có sự đầu tư rất kiên cố về chuồng trại nhằm mục đích nuôi lâu dài (ước tính thời hạn sử dụng là 10 năm) nhưng do trang trại nuôi với số lượng lớn cho nên tỷ lệ phân bổ cho 1kg heo hơi tương đối thấp là 619,65 đồng/kg thấp hơn chi phí chuồng trại của nông hộ là 287,95 đồng/kg.

+ Chi phí lao động: Chi phí lao động của nông hộ được chỉ ra ở đây chủ yếu là chi phí lao động nhà quy ra tiền, còn chi phí lao động thuê gần như không bởi vì phần lớn người nuôi theo quan niệm lấy công làm lời. Tuy nhiên do nông hộ nuôi với số lượng ít nên thời gian phân bổ cho một kg heo hơi sẽ nhiều hơn. Ngược lại mặt dù trang trại sử dụng hoàn toàn bằng lao động thuê nhưng do chuồng trại được xây dựng kiên cố và thuận lợi cộng thêm thức ăn cho heo ăn hoàn toàn bằng thức ăn tổng hợp không phải qua pha chế cho nên theo ước tính với lượng nuôi mỗi đợt khoản 500 con chỉ cần một người chăm sóc trực tiếp. Do đó chi phí phân bổ cho một kg heo hơi tương đối nhỏ 192,01 đồng thấp hơn nông hộ là 873,82 đồng.

Tuy nhiên vẫn có một số loại chi phí cao hơn chi phí tương ứng của nông hộ. Điển hình như chi phí thú y của trang trại là 736,84 đồng/kg cao hơn 582,67 đồng chi phí thú y của nông hộ. Điều này cho thấy trang trại chú trọng nhiều hơn đến dịch vụ thú y, và chế độ chăm sóc của trang trại kỹ hơn. Tiếp đó là một loại chi phí chiếm 5% (1417,23 đồng/kg) đó là chi phí khấu hao tỷ lệ chết, chi phí này ở nông hộ rất thấp (khoảng 1%). Định hướng sản xuất của trang trại là cung cấp con giống tốt chất lượng, điều này ảnh hưởng đến uy tín của trang trại cho nên trang trại rất chú trọng đến phẩm chất của vật nuôi. Do đó trong quá trình chăn nuôi nếu những vật nuôi không đủ tiêu chuẩn thì trang trại tiến hành loại thải nhanh chóng khỏi đàn. Vì vậy chi phí này bao gồm chi phí heo thịt bị chết, bị loại thải trong quá trình chăn nuôi.

Những loại chi phí còn lại thường rất thấp. Nhìn chung chi phí để tạo ra một kg heo hơi của trang trại đợt 1 tương đối cao 30.351,68 đồng. Như vậy, trung bình một con heo thịt từ khi bắt đầu nuôi đến khi đạt trọng lượng xuất chuồng trung bình là 95 kg/con phải tốn chi phí khá cao là:

$$30.351,68 \text{ đồng/kg} \times 95\text{kg/con} = 2.883.409,6\text{đồng/con}$$

Nhận xét: tổng chi phí để tạo ra một kg heo thịt của trang trại là 30.351,68 đồng thấp hơn của nông hộ 697,4 đồng. Nguyên nhân là do trang trại sử dụng giống lai cho năng suất cao kết hợp với sử dụng thức ăn tổng hợp vỗ béo nên rút ngắn được thời gian nuôi. Tuy nhiên chi phí chăn nuôi của trang trại và nông hộ vẫn ở mức tương đối cao. Chính vì vậy nếu năm nào giá heo trên thị trường tăng cao thì trang trại cũng như nông hộ mới có lợi nhuận, còn ngược lại nếu giá giảm thì người nuôi có thể bị lỗ. Do đó trang trại cần có biện pháp đầu tư hợp lý hơn kết hợp với sử dụng thế mạnh của nông hộ chăn nuôi quy mô nhỏ thì hiệu quả sẽ được nâng cao.

4.2.1.2. Phân tích chi phí đợt 2 – 2008

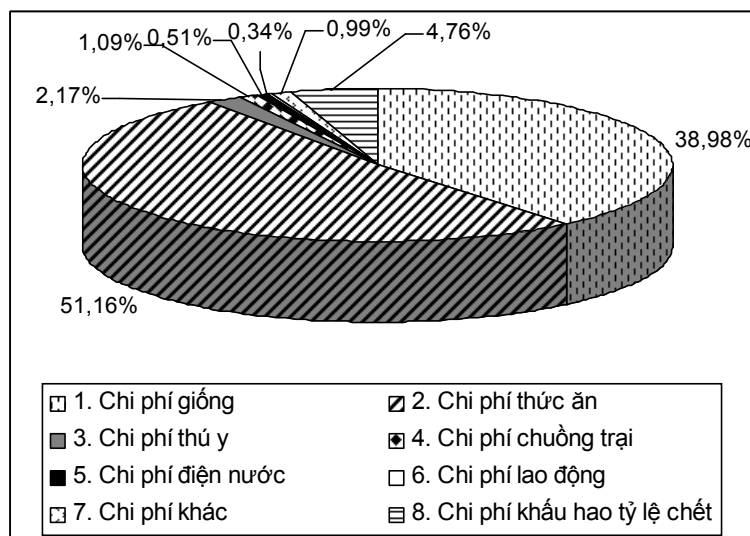
**Bảng 6: TỶ TRỌNG CHI PHÍ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI VÀ NÔNG HỘ ĐỢT 2-2008**

Đơn vị tính: Đồng

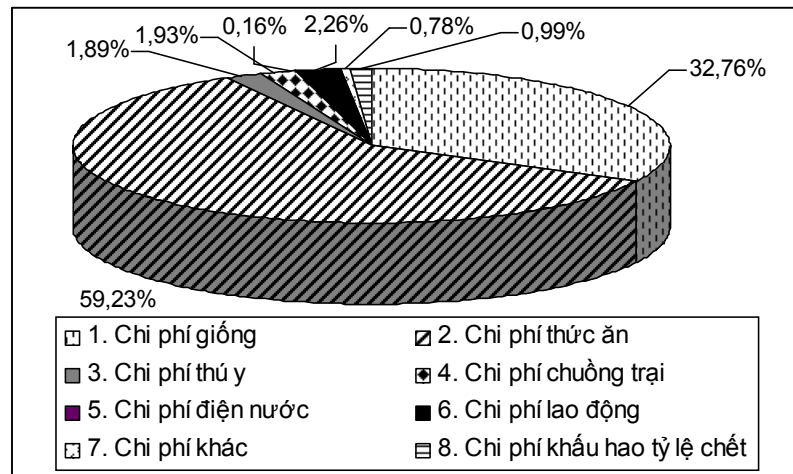
| KHOẢN MỤC                      | TRANG TRẠI(*)    |               | NÔNG HỘ(**)      |               | TRANG TRẠI/NÔNG HỘ |              |
|--------------------------------|------------------|---------------|------------------|---------------|--------------------|--------------|
|                                | Giá trị          | %             | Giá trị          | %             | Giá trị            | %            |
| 1. Chi phí giống               | 13.232,00        | 38,98         | 11.220,83        | 32,76         | 2.011,17           | 17,92        |
| 2. Chi phí thức ăn             | 17.369,53        | 51,16         | 20.284,38        | 59,23         | -2.914,85          | -14,37       |
| 3. Chi phí thú y               | 736,84           | 2,17          | 647,92           | 1,89          | 88,92              | 13,72        |
| 4. Chi phí chuồng trại         | 370,08           | 1,09          | 659,45           | 1,93          | -289,37            | -43,88       |
| 5. Chi phí điện nước           | 172,14           | 0,51          | 54,42            | 0,16          | 117,72             | 216,32       |
| 6. Chi phí lao động            | 114,73           | 0,34          | 773,70           | 2,26          | -658,97            | -85,17       |
| 7. Chi phí khác                | 337,45           | 0,99          | 268,08           | 0,78          | 69,37              | 25,88        |
| 8. Chi phí khấu hao tỷ lệ chết | 1.616,63         | 4,76          | 339,08           | 0,99          | 1.277,55           | 376,77       |
| 9. Tổng chi phí thực tế        | <b>33.949,40</b> | <b>100,00</b> | <b>34.247,86</b> | <b>100,00</b> | <b>-298,46</b>     | <b>-0,87</b> |

Nguồn: (\*) Bộ phận kế toán và kỹ thuật chăn nuôi của trang trại.

(\*\*) Điều tra trực tiếp nông hộ chăn nuôi năm 2008



**Hình 6: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 2 – 2008 của trang trại**



**Hình 7: Tỷ trọng chi phí chăn nuôi heo thịt đợt 2 – 2008 của nông hộ**

Trong đợt 2-2008, chi phí nuôi heo thịt ở đây cao hơn so với đợt 1-2008. Trong đó ảnh hưởng nhiều nhất vẫn là chi phí thức ăn. Tuy nhiên chi phí chăn nuôi của trang trại trong đợt này vẫn thấp hơn chi phí chăn nuôi của nông hộ. Về quy mô cũng không có biến động nhiều nhưng do tình hình tăng giá thức ăn trong những tháng cuối năm 2008 nên tỷ trọng khoản chi phí thức ăn, trong đợt nuôi này là 51,16% cao hơn đợt trước. Đối với nông hộ, khi giá thức ăn tổng hợp tăng cao họ thường có xu hướng chuyển sang tận dụng thức ăn tự chế biến, phụ phẩm nông nghiệp như tấm cám, hèm rượu... Đây là một điều bất lợi cho trang trại vì trang trại dùng hoàn toàn bằng thức ăn tổng hợp. Chi phí thức ăn tăng là nguyên nhân làm cho lợi nhuận của trang trại trong đợt này sụt giảm

Như vậy, trong đợt 2 - 2008, trung bình một con heo từ khi bắt đầu nuôi đến khi đạt trọng lượng xuất chuồng trung bình là 95 kg/con phải tốn chi phí khá cao là:

$$34.063,5\text{đồng/kg} \times 95\text{kg/con} = 3.236.032,64 \text{ đồng/con}$$



**4.2.1.3. So sánh chi phí giữa đợt 1-2008 và đợt 2-2008****Bảng 7: SO SÁNH TỶ TRỌNG CHI PHÍ ĐỢT 1-2008 VÀ ĐỢT 2-2008 CỦA TRANG TRẠI VÀ NÔNG HỘ**

Đơn vị tính: Đồng

| KHOẢN MỤC                             | TRANG TRẠI(*) |        | NÔNG HỘ(**) |        |
|---------------------------------------|---------------|--------|-------------|--------|
|                                       | Đợt 2/Đợt 1   |        | Đợt 2/Đợt 1 |        |
|                                       | Giá trị       | %      | Giá trị     | %      |
| <b>1. Chi phí giống</b>               | 980           | 8,00   | 595,83      | 5,61   |
| <b>2. Chi phí thức ăn</b>             | 3.116,9       | 21,87  | 2.555,21    | 14,41  |
| <b>3. Chi phí thú y</b>               | 0             | 0,00   | 493,75      | 320,26 |
| <b>4. Chi phí chuồng trại</b>         | -249,57       | -40,28 | -248,15     | -27,34 |
| <b>5. Chi phí điện nước</b>           | -116,08       | -40,27 | -20,48      | -27,34 |
| <b>6. Chi phí lao động</b>            | -77,28        | -40,25 | -292,13     | -27,41 |
| <b>7. Chi phí khác</b>                | -227,56       | -40,28 | 83,08       | 44,91  |
| <b>8. Chi phí khấu hao tỷ lệ chết</b> | 171,31        | 11,85  | 31,67       | 10,30  |
| <b>9. Tổng chi phí thực tế</b>        | 3.597,72      | 11,85  | 3.198,78    | 10,30  |

Nguồn: (\*) Bộ phận kế toán và kỹ thuật chăn nuôi của trang trại.

(\*\*) Điều tra trực tiếp nông hộ chăn nuôi năm 2008

Kết quả từ bảng trên cho thấy các biến phí như chi phí thức ăn, chi phí con giống, chi phí thú y đều tăng. Điều này cho thấy các loại chi phí này phụ thuộc rất nhiều vào sự tác động của thị trường giá cả đầu vào. Ta thấy trong đợt 2-2008 giá thành của những khoản chi phí này tăng lên đáng kể. Trong đó điển hình nhất là chi phí thức ăn. Trong thời gian gần đây giá thức ăn không ngừng tăng lên làm cho tổng chi phí biến đổi không ngừng.

Kết quả là tổng chi phí đợt 2 của trang trại cao hơn đợt 1 là 3.597,72 đồng tăng 11,85%. Trong khi đó chi phí của nông hộ đợt 2 chỉ cao hơn đợt 1 là 3.198,78 đồng hay tăng 10,30% thấp hơn sự gia tăng của trang trại. Điều này cho thấy hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại tiềm ẩn rất nhiều rủi ro và chịu ảnh hưởng rất nhiều vào yếu tố thị trường. Cho nên trang trại cần có chính sách kiểm soát chặt chẽ các khoản mục chi phí này.

**4.2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm heo thịt****4.2.2.1. Tình hình tiêu thụ sản phẩm của trang trại****Bảng 8: TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI QUA 2 ĐỢT NĂM 2008**

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính | Đợt 1-2008 | Đợt 2-2008 | Đợt 1-2008/Đợt 2-2008 |       |
|------------------------------|-------------|------------|------------|-----------------------|-------|
|                              |             | Giá trị    | Giá trị    | Giá trị               | %     |
| <b>Số heo xuất chuồng</b>    | Con         | 318        | 528        | 210                   | 66,04 |
| <b>Trọng lượng bình quân</b> | Kg/con      | 95         | 95.8       | 0.8                   | 0,84  |
| <b>Tổng sản lượng bán</b>    | Kg          | 30.210     | 50.582,4   | 20.372,4              | 67,44 |
| <b>Giá bán TB</b>            | Đồng/kg     | 34.000     | 38.000     | 4000                  | 11,76 |
| <b>Doanh thu</b>             | Triệu đồng  | 1027,14    | 1922,13    | 894,99                | 87,13 |

*Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp*

Từ bảng 8 ta thấy tình hình tiêu thụ heo thịt của trang trại như sau.

Số heo xuất chuồng của đợt 2 là 318 con cao hơn đợt 1 là 210 con, trọng lượng bình quân không có sự biến động lớn chứng tỏ trong đợt 1 trang trại nuôi có lời nên tiếp tục đầu tư.

Giá bán heo hơi đợt 2 tăng khá cao so với đợt 1. Giá heo hơi đợt 2 là 38.000 đồng/kg tăng 4000 đồng tương đương 11,7%. Xét về giá heo hơi trong năm có sự diễn biến phức tạp, lúc tăng lúc giảm do có lúc cung, cầu về sản phẩm thịt heo trên thị trường không cân bằng, lúc thì cung vượt cầu làm cho giá giảm, lúc thì cầu vượt cung làm cho giá heo tăng. Giá heo hơi đợt 2 tăng do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu vì thời điểm xuất bán đợt 2 là tháng cuối tết lúc này nhu cầu về thịt heo trên thị trường tăng cao làm cho giá heo hơi cũng tăng cao. Do đó trong quá trình nuôi cần dự báo được nhu cầu của thị trường để có kế hoạch nuôi thích hợp đem lại hiệu quả cao.

Về hình thức tiêu thụ sản phẩm, đến thời điểm hiện nay trang trại đã có được mạng lưới phân phối ổn định. Do trang trại đã hoạt động nhiều năm và số lượng chăn nuôi ổn định nên khi đến đợt xuất chuồng trang trại thường gọi điện thoại cho những thương lái quen và việc mua bán, vận chuyển thường diễn ra nhanh chóng và dễ dàng vì trang trại có vị trí thuận lợi gần đường giao thông.

Phương thức thanh toán khi bán heo chủ yếu bằng tiền mặt trả ngay khi bán, hay đôi khi thương lái thanh toán khoảng 50% phần còn lại 30 ngày sau thanh toán tiếp. Điều này cho thấy khâu tiêu thụ sản phẩm của trang trại hiện nay tương đối tốt, các khoản nợ phải thu của trang trại không đáng kể. Tuy nhiên nếu xét về lâu dài khi trang trại mở rộng thêm quy mô chăn nuôi, lượng sản phẩm tiêu thụ nhiều hơn sẽ gây khó khăn cho trang trại. Vì phân lớn khách hàng của họ là thương lái, đây thuộc loại khách hàng vắng lai, không ổn định. Nếu tại thời điểm xuất bán, cung thịt heo trên thị trường lớn, sẽ dễ xảy ra tình trạng ép giá.

#### 4.2.2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm heo thịt của nông hộ

**Bảng 9: TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM HEO THỊT CỦA NÔNG HỘ QUA 2 ĐỢT NĂM 2008**

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính | Đợt 1-2008 | Đợt 2-2008 | Đợt 2-2008/<br>Đợt 1 -2008 |       |
|------------------------------|-------------|------------|------------|----------------------------|-------|
|                              |             | Giá trị    | Giá trị    | Giá trị                    | %     |
| <b>Số heo xuất chuồng</b>    | Con         | 258        | 357        | 99                         | 38,37 |
| <b>Trọng lượng bình quân</b> | Kg/con      | 96,75      | 96,23      | -0,52                      | -0,54 |
| <b>Tổng sản lượng bán</b>    | Kg          | 24.961,5   | 34.354,11  | 93.92,61                   | 37,63 |
| <b>Giá bán TB</b>            | Đồng/kg     | 33.680     | 37.120     | 3.440                      | 10,21 |
| <b>Doanh thu</b>             | Triệu đồng  | 840.70     | 1275,22    | 434,52                     | 51,69 |

*Nguồn: Điều tra trực tiếp nông hộ năm 2008*

Qua bảng phân tích ta thấy được, số heo thịt bán ra có xu hướng tăng. Đợt 1 là 258 con sang đợt 2 tăng lên 357 con tương đối cao. Mặc khác giá bán heo hơi cũng tăng cao từ 33.680 đồng đợt 1 tăng lên 37.120 đồng đợt 2. Đây là một tín hiệu vui cho hoạt động chăn nuôi của nông hộ. Chúng tôi là trong đợt 1 họ nuôi có lời nên tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi để tăng thêm thu nhập.

Về phương thức tiêu thụ chủ yếu họ bán cho lái heo, còn gọi là thương lái.

Phương thức thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt và thường thanh toán ngay sau khi bán sản phẩm.

Nhìn chung tình hình tiêu thụ heo thịt trong địa bàn xã cũng tương đối nhanh chóng và thuận tiện.

Như vậy, về tình hình tiêu thụ sản phẩm heo thịt của cả trang trại và nông hộ khá dễ dàng tuy nhiên cũng phụ thuộc rất nhiều vào quy luật cung cầu của thị

trường. Ta thấy trong nông hộ vẫn thường có hiện tượng sản xuất theo phong trào. Khi đợt nào chăn nuôi có hiệu quả họ sẽ tăng cường đầu tư thêm vào đợt sau. Điều này có thể làm cho hiện tượng cung vượt cầu kéo theo giá heo hơi giảm xuống. Cho nên đối với trang trại hoạt động với quy mô lớn nhất là trọng lĩnh vực này, doanh nghiệp không làm chủ được thị trường, khi giá cả đầu ra biến động sẽ rất dễ gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chăn nuôi của doanh nghiệp. Cho nên trang trại cần có kế hoạch nghiên cứu kỹ thị trường để phân bổ thời gian sản xuất của từng đợt thích hợp nhất.

#### 4.2.3. Phân tích hiệu quả chăn nuôi heo thịt năm 2008

##### 4.2.3.1 Hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại

**Bảng 10: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI QUA 2 ĐỢT NĂM 2008**

| Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Đợt 1-2008 | Đợt 2-2008 | Đợt 2-2008/Đợt 1 -2008 |       |
|-----------------------------|-------------|------------|------------|------------------------|-------|
|                             |             | Giá trị    | Giá trị    | Giá trị                | %     |
| <b>Tổng doanh thu</b>       | Triệu đồng  | 1.027,14   | 1.922,13   | 894,99                 | 87,13 |
| <b>Tổng chi phí</b>         | Triệu đồng  | 916,92     | 1.717,24   | 800,32                 | 87,28 |
| <b>Lợi nhuận</b>            | Triệu đồng  | 110,22     | 204,89     | 94,68                  | 85,90 |
| <b>Lợi nhuận/chi phí</b>    | %           | 12,02      | 11,93      | -0,09                  | -0,74 |
| <b>Lợi Nhuận/ doanh thu</b> | %           | 10,73      | 10,66      | -0,07                  | -0,66 |
| <b>Chi phí/doanh thu</b>    | %           | 89,27      | 89,34      | 0,07                   | 0,08  |

*Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp*

Nhìn từ bảng số liệu trên ta thấy mỗi đợt nuôi trang trại vẫn có lời và lợi nhuận đợt sau cao hơn đợt trước. Lợi nhuận tăng là do doanh thu tăng và chi phí cũng tăng nhưng doanh thu tăng cao hơn chi phí. Tuy nhiên xét về tỷ suất lợi nhuận thì có xu hướng giảm.

Đợt 1, tỷ suất lợi nhuận trên chi phí là 12,02% nghĩa là 100 đồng chi phí trang trại sẽ thu về được 12,02 đồng lợi nhuận nhưng đến đợt 2 tỷ số này là 11,93 nghĩa là lúc này 100 đồng chi phí bỏ ra trang trại chỉ thu được 11,93 đồng lợi nhuận.

Xét về tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu ta thấy đợt 1 là 10,73% nghĩa là trong 100 đồng doanh thu thu được đem lại cho trang trại 10,73 đồng lợi nhuận sang đợt 2 trong 100 đồng doanh thu đem lại cho trang trại 10,66 đồng lợi nhuận giảm 0.07 đồng.

Về tỷ suất chi phí trên doanh thu, đợt 1 và đợt 2 không có sự biến động lớn. Đợt 1 tỷ suất này là 89,27% nghĩa là để nhận được 100 đồng doanh thu trang trại phải đầu tư 89,27 đồng chi phí. Sang đợt 2 tỷ suất này là 89,34% nghĩa là để nhận được 100 đồng doanh thu lúc này trang trại phải đầu tư 89,34 đồng chi phí.

Ta thấy mặt dù doanh thu đợt 2 tăng 894,99 đồng hay 87,13% so với đợt 1 tuy nhiên lúc này chi phí cũng tăng khác cao là 800,32 đồng tốc độ tăng là 87,28% cao hơn tốc độ của doanh thu do đó làm cho tỷ suất lợi nhuận giảm. Điều đó cho thấy khi chi phí càng tăng cao ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của hoạt động chăn nuôi cho nên để đảm bảo hiệu quả của hoạt động này trang trại cần có kế hoạch kiểm soát chặt chẽ khoản mục này.

#### 4.2.3.1 Hiệu quả chăn nuôi heo thịt của nông hộ

**Bảng 11: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA NÔNG HỘ QUA 2 ĐỢT NĂM 2008**

| Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Đợt 1-2008 | Đợt 2-2008 | Đợt 2-2008/Đợt 1 - 2008 |       |
|-----------------------------|-------------|------------|------------|-------------------------|-------|
|                             |             | Giá trị    | Giá trị    | Giá trị                 | %     |
| <b>Tổng doanh thu</b>       | Triệu đồng  | 840,70     | 1275,22    | 434,52                  | 51,69 |
| <b>Tổng chi phí</b>         | Triệu đồng  | 775,03     | 1176,55    | 401,52                  | 51,81 |
| <b>Lợi nhuận</b>            | Triệu đồng  | 65,67      | 98,67      | 33,00                   | 50,25 |
| <b>Lợi nhuận/chi phí</b>    | %           | 8,47       | 8,39       | -0,09                   | -1,03 |
| <b>Lợi nhuận/ doanh thu</b> | %           | 7,81       | 7,74       | -0,07                   | -0,95 |
| <b>Chi phí/doanh thu</b>    | %           | 92,19      | 92,26      | 0,07                    | 0,08  |

*Nguồn: Điều tra trực tiếp nông hộ năm 2008*

Nhìn chung hoạt động chăn nuôi heo thịt của nông hộ vẫn có lời tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận của nông hộ trong 2 đợt này nhỏ hơn của trang trại và có xu hướng giảm. trong khi đó tỷ suất chi phí trên doanh thu của nông hộ cao hơn trang trại nghĩa là ứng với giá trị doanh thu nhận được của trang trại hộ chăn nuôi phải bỏ ra chi phí nhiều hơn.

Xét về tỷ suất lợi nhuận trên chi phí đợt 1 là 8,47% nghĩa là 100 đồng chi phí đem lại 8,47 đồng lợi nhuận đến đợt 2 tỷ suất này là 8,39 % giảm 0,09 đồng hay 1,03% so với đợt 1.

Tương tự, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cũng giảm. Đợt 1 là 7,81 % nghĩa là trong 100 đồng doanh thu thì đem lại cho nông hộ được 7,81 đồng lợi nhuận. Đến đợt 2 tỷ suất này 7,74 % nghĩa là lúc này 100 đồng doanh thu nhận được lợi nhuận chỉ còn 7,74 đồng thấp hơn đợt 1 là 0,07 đồng hay 0,95%.

Về tỷ suất chi phí trên doanh thu có xu hướng tăng. Đợt 1 tỷ suất này là 92,19% nghĩa là để nhận được 100 đồng doanh thu hộ chăn nuôi phải đầu tư 92,19 đồng chi phí. Sang đợt 2 tỷ suất này là 92,26% nghĩa là để nhận được 100 đồng doanh thu lúc này hộ chăn nuôi phải đầu tư 92,26 đồng chi phí.

Điều này là do sự biến động của thị trường đầu vào giá thức ăn con giống đều tăng làm cho tổng chi phí đợt 2 tăng cao, mặt dù giá bán có tăng lên nhưng chi phí tăng ít nhiều ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận.

#### ***Nhận xét về hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại và nông hộ.***

Từ kết quả phân tích trên ta thấy, qua hai đợt chăn nuôi cả trang trại đều có lời. Trong đó tỷ suất lợi nhuận của trang trại cao hơn của nông hộ. Chứng tỏ rằng hoạt động chăn nuôi của theo mô hình trang trại có hiệu quả hơn hình thức nuôi nhỏ lẻ. Hay có thể gọi là trang trại đạt được hiệu quả kinh tế nhờ quy mô. Song sẽ tốt hơn nếu trang trại có biện pháp đầu tư hợp lý hơn kết hợp với sử dụng thế mạnh của nông hộ quy mô nhỏ thì hiệu quả sẽ được nâng cao.

### 4.3. PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI NHUẬN CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI

#### 4.3.1 Phân tích tình hình lợi nhuận chung qua 2 đợt năm 2008

**Bảng 12 : TÌNH HÌNH LỢI NHUẬN QUA 2 ĐỢT CHĂN NUÔI NĂM 2008**

| Chỉ tiêu                      | Đơn vị tính | Đợt 1-2008 | Đợt 2-2008/ | Đợt 2-2008/Đợt 1-2008 |       |
|-------------------------------|-------------|------------|-------------|-----------------------|-------|
|                               |             | Giá trị    | Giá trị     | Giá trị               | %     |
| <b>Giá bán</b>                | Đồng/kg     | 34.000     | 38.000      | 4000,00               | 11,76 |
| <b>Sản lượng xuất chuồng</b>  | Kg          | 30.210     | 50.582,4    | 20.372,40             | 67,44 |
| <b>Tổng chi phí chăn nuôi</b> | Triệu đồng  | 916,92     | 1717,24     | 800,32                | 87,28 |
| <b>Lợi nhuận ròng</b>         | Triệu đồng  | 110,22     | 204,89      | 94,68                 | 85,90 |

*Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp*

Căn cứ vào bảng trên ta thấy lợi nhuận đợt 2 cao hơn đợt 1 điều đó cho thấy hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại ngày càng ổn định và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Lợi nhuận từ hoạt động chăn nuôi heo thịt đợt 1 là 110,22 triệu đồng đến đợt 2 là 204,89 triệu đồng. Lợi nhuận tăng lên là do giá bán đợt 2 tăng cao hơn đợt 1 là 4000 đồng/kg và sản lượng xuất chuồng tăng lên, đợt 1 là 30210kg đến đợt 2 là 50.582,2 kg tăng 20.372,40 kg. Cùng với sự tăng lên của giá bán và sản lượng làm doanh thu tăng lên, thì chi phí từ hoạt động này cũng tăng lên. Đợt 1 là 916,92 triệu đồng đến đợt 2 tăng lên 1.717,24 triệu đồng tăng 800,32 triệu hay 87,90%.

#### 4.3.1 Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận.

Lợi nhuận là chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh kết quả cuối cùng của hoạt động chăn nuôi heo nên có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến nó bao gồm cả nhân tố chủ quan và khách quan. Lợi nhuận của một hoạt động hay của toàn bộ doanh nghiệp thường được xác định một cách tổng quát là

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí}$$

Trong đó: Chi phí = Giá vốn hàng bán + Chi phí quản lý doanh nghiệp + Thuế

Trang trại sản xuất heo giống cao sản của doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành được xét là một mô hình nằm trong luật khuyến khích đầu tư trong nước tham gia vào chương trình phát triển chăn nuôi nên được hưởng nhiều

chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi. Mặc khác đây là một loại hình trang trại gia đình có bộ máy tổ chức tương đối đơn giản cho nên chi phí quản lý doanh nghiệp tương đối nhỏ. Do đó khi phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận đề tài bỏ qua những loại chi phí này. Cho nên lợi nhuận ở đây được xác định như sau:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí}$$

Như vậy lợi nhuận từ hoạt động chăn nuôi heo thịt được xác định cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{chi phí chăn nuôi} \\ &= \text{Giá bán} \times \text{Sản lượng xuất chuồng} - \text{chi phí chăn nuôi} \end{aligned}$$

Theo kết quả phân tích trên ta thấy lợi nhuận thụ thuộc vào các nhân tố

+ Giá bán heo hơi: giá bán heo hơi tăng sẽ làm cho doanh thu tiêu thụ tăng kéo theo lợi nhuận của hoạt động tăng và ngược lại

+ Sản lượng tiêu thụ: sản lượng tiêu thụ tăng làm cho tổng doanh thu tiêu thụ tăng lên kéo theo lợi nhuận tăng theo và ngược lại.

Có thể nói sự thay đổi của lợi nhuận tỷ lệ thuận với sự thay đổi của giá bán và sản lượng bán.

Trái lại khi chi phí chăn nuôi tăng sẽ làm cho giá thành sản phẩm tăng cao từ đó làm cho lợi nhuận giảm sút. Hay nói cách khác sự thay đổi của lợi nhuận tỷ lệ nghịch với sự thay đổi của chi phí chăn nuôi.

### **Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận**

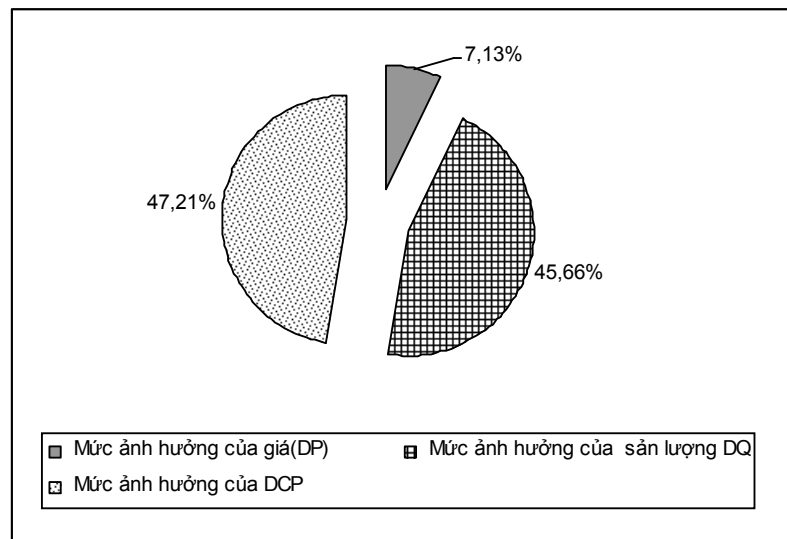
Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để phân tích ảnh hưởng của doanh thu thuần và chi phí chăn nuôi lên lợi nhuận. Ta có được kết quả sau

**Bảng 13: TỔNG HỢP MỨC ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ LÊN LỢI NHUẬN CHĂN NUÔI HEO THỊT**

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính | Giá trị      | Tỷ lệ(%) |
|------------------------------|-------------|--------------|----------|
| <b>Giá bán</b>               | Triệu đồng  | 120,84       | 7,13     |
| <b>Sản lượng xuất chuồng</b> | Triệu đồng  | 774,15       | 45,66    |
| <b>Chi phí chăn nuôi</b>     | Triệu đồng  | -800,32      | 4,21     |
| <b>Tổng cộng</b>             | Triệu đồng  | <b>94,68</b> | 100      |

Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp





**Hình 8: Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên lợi nhuận**

Từ kết quả trên ta thấy

+ Mức ảnh hưởng của giá bán đến lợi nhuận là 120,84 triệu đồng tương đương 7,13%

+ Mức ảnh hưởng của sản lượng xuất chuồng đến lợi nhuận là 774,15 triệu đồng tương đương 45,66%

+ Mức ảnh hưởng của chi phí đến lợi nhuận là 800,32 triệu đồng tương đương 47,21%

+ Tổng các mức ảnh hưởng lên lợi nhuận là 94,68 triệu đồng

Điều đó nghĩa là lợi nhuận chăn nuôi heo thịt đợt 2- 2008 tăng 94,68 triệu đồng so với đợt 1- 2008 là do giá bán tăng làm lợi nhuận tăng 120,84 triệu tương đương 7,13%, và sản lượng tiêu thụ tăng làm lợi nhuận tăng 774,15 triệu đồng. Bên cạnh đó khi chi phí chăn nuôi tăng làm cho lợi nhuận giảm 800,32 triệu đồng nên lợi nhuận chỉ còn tăng 94,68 triệu đồng.

Như vậy trong tổng các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận chăn nuôi ta thấy nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất là chi phí chăn nuôi chiếm 47,21% trên tổng mức ảnh hưởng. Do đó để cho hoạt động chăn nuôi heo thịt đạt hiệu quả trang trại cần tăng cường kiểm soát chặt chẽ các loại chi phí trong chăn nuôi.

#### 4.4. PHÂN TÍCH CÁC TỶ SỐ PHẢN ẢNH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI

**Bảng 14: CÁC TỶ SỐ PHẢN ẢNH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA TRANG TRẠI**

| Chỉ tiêu                             | Đơn vị tính | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Chênh lệch 07/06 | Chênh lệch 08/07 |
|--------------------------------------|-------------|----------|----------|----------|------------------|------------------|
|                                      |             | Giá trị  | Giá trị  | Giá trị  | Giá trị          | Giá trị          |
| <b>A. Trang trại</b>                 |             |          |          |          |                  |                  |
| <b>1. Tổng doanh thu</b>             | Triệu đồng  | 3.797,94 | 5.879,56 | 9.085,98 | 2.081,62         | 3206,43          |
| <b>2. Tổng chi phí</b>               | Triệu đồng  | 3.380,17 | 4.903,15 | 7.314,21 | 1.522,98         | 2411,06          |
| <b>3. Tổng lợi nhuận</b>             | Triệu đồng  | 417,77   | 976,41   | 1771,77  | 558,64           | 795,36           |
| <b>B. Heo thịt</b>                   |             |          |          |          |                  |                  |
| <b>1. Doanh thu</b>                  | Triệu đồng  | 1.023,44 | 2.030,63 | 3.639,64 | 1007,19          | 1.609,02         |
| <b>2. Chi phí</b>                    | Triệu đồng  | 1.005,20 | 1.987,98 | 3.678,90 | 982,78           | 1.690,92         |
| <b>3. Lợi nhuận</b>                  | Triệu đồng  | 18,23    | 42,65    | 219,90   | 24,41            | 177,26           |
| <b>C. Doanh thu / Tổng doanh thu</b> | %           | 26,95    | 34,54    | 40,06    | 7,59             | 5,52             |
| <b>D. Chi phí / Tổng chi phí</b>     | %           | 29,74    | 40,54    | 50,30    | 10,81            | 9,75             |
| <b>E. Lợi nhuận / Tổng lợi nhuận</b> | %           | 4,36     | 4,37     | 12,41    | 0,01             | 8,04             |

Nguồn: Bộ phận kế toán doanh nghiệp

Để đánh giá mức độ đóng góp của hoạt động chăn nuôi heo thịt vào kết quả hoạt động của toàn trang trại đề tài đi sâu vào tìm hiểu những chỉ tiêu sau:

*Chỉ tiêu mức độ đóng góp của doanh thu từ chăn nuôi heo thịt vào tổng doanh thu đạt được của trang trại.*

Năm 2006, trong 3.797,94 triệu đồng doanh thu của toàn trang trại có sự đóng góp của hoạt động heo thịt là 26,95% hay 1.023,44 triệu đồng. Đến năm 2007 tổng doanh thu tăng 2.081,62 triệu đồng so với năm 2006 trong đó có doanh thu của heo thịt tăng 1.007,19 triệu hay 7,59%. Sang năm 2008, tổng doanh thu tiếp tục tăng thêm 3.206,43 triệu đồng so với năm 2007 trong đó do

doanh thu từ hoạt động nuôi heo thịt là tăng 1691,62 triệu hay 5.52%. Nói cách khác trong 100% hay 9085,98 triệu đồng tổng doanh thu đạt được của trang trại năm 2008 có 40,06% sự đóng góp của doanh thu heo thịt.

*Chỉ tiêu mức độ đóng góp của chi phí từ chăn nuôi heo thịt vào tổng chi phí hoạt động của trang trại.*

Năm 2006, chi phí hoạt động của toàn trang trại là 3380,17 triệu đồng trong đó chi phí cho hoạt động chăn nuôi heo thịt là 1005,20 triệu đồng. Đến năm 2007 tổng chi phí tăng 1522,98 triệu đồng so với năm 2006 trong đó do đầu tư vào heo thịt tăng 982,78 triệu hay 10,81%. Chi phí hoạt động heo thịt tăng là cho trong năm này trang trại tăng số lượng chăn nuôi nên phát sinh thêm chi phí chăn nuôi. Sang năm 2008, tổng chi phí tiếp tục tăng thêm 2411,06 triệu so với năm 2007 trong đó do chi phí từ chăn nuôi heo thịt tăng thêm là 1690,62 hay 9,75%. Nói cách khác trong 100% hay 7.314,21 triệu đồng tổng chi phí hoạt động của trang trại năm 2008 có 50.30% sự đóng góp của doanh thu heo thịt.

*Chỉ tiêu mức độ đóng góp của lợi nhuận từ chăn nuôi heo thịt vào tổng lợi nhuận đạt được của trang trại.*

Năm 2006, trong 417,77 triệu đồng lợi nhuận đạt được của toàn trang trại có sự đóng góp của hoạt động heo thịt là 4,36% hay 18,23 triệu đồng. Đến năm 2007 tổng lợi nhuận tăng 558,64 triệu đồng so với năm 2006 trong đó có lợi nhuận của heo thịt tăng 24,41 triệu hay 0.01% đóng góp không đáng kể vào tổng lợi nhuận của trang trại. Sang năm 2008, Trong 100% hay 1771,77 triệu đồng tổng lợi nhuận của trang trại có 12,41% sự đóng góp của lợi nhuận từ heo thịt. và mức độ đóng góp này tăng lên khá lớn, tăng 8,04% so với tỷ trọng đóng góp của heo thịt năm 2007. Đạt được điều này là do trang trại đã có sự đầu tư hợp lý vào hoạt động chăn nuôi heo thịt. Trong năm 2008 trang trại đầu tư thêm chuồng trại, gia tăng thêm số lượng chăn nuôi mặt dù chi phí chăn nuôi có tăng lên nhưng giá bán heo thịt cũng không ngừng tăng lên kéo theo doanh thu tăng cao bù đắp được khoản tăng lên của chi phí kết quả là lợi nhuận tăng cao.

Như vậy, hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại ngày càng đi vào hoạt động ổn định và ngày càng có hiệu quả. Tỷ trọng đóng góp vào lợi nhuận của toàn trang trại liên tiếp tăng lên. Có thể nói hoạt động này đang có tiềm năng phát triển cao. Do đó trang trại cần tăng cường hơn nữa hoạt động này để ngày

càng nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của toàn trang trại đưa trang trại ngày càng phát triển.

Qua quá trình phân tích ta thấy hoạt động chăn nuôi heo thịt ngày càng giữ vị trí quan trọng mang lại hiệu quả ngày càng cao cho trang trại. Tuy nhiên hoạt động này vẫn còn tồn tại nhiều rủi ro. Vì vậy việc đánh giá hiệu quả chăn nuôi và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi heo thịt của trang trại là rất cần thiết và phù hợp với hướng phát triển của ngành chăn nuôi nói chung và hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại nói riêng.

**Chương 5****MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI  
HEO CỦA TRẠI HEO TÂN NGHĨA THÀNH****5.1. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU  
QUẢ CHĂN NUÔI HEO CỦA TRẠI HEO TÂN NGHĨA THÀNH****5.1.1 Về thuận lợi và khó khăn****5.1.1.1. Về thuận lợi và khó khăn trong quá trình chăn nuôi heo theo  
mô hình trang trại****a. Thuận lợi**

Chủ trang trại có nhiều kinh nghiệm và có tâm huyết với nghề, có tinh thần học hỏi, sáng tạo và ứng dụng linh hoạt tiến bộ khoa học vào trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

Điều kiện chăn nuôi ở đây rất thuận lợi cho heo sinh trưởng và phát triển cụ thể là về thời tiết khí hậu, nước... tốt nên heo dễ thích nghi ít bệnh và mau lớn.

Trang trại có sự đầu tư hiệu quả về cơ sở vật chất, chuồng trại cũng như công tác chăm sóc heo trong quá trình nuôi.

Hiện nay, trang trại được đánh giá là một trại heo giống cao sản lớn nhất tỉnh, cho nên công tác giống ở đây được xem là rất tốt, các giống heo lai cho năng suất và phẩm chất tốt.

Thị trường sản phẩm dễ bán và không khó tính, chất lượng thịt đáp ứng được nhu cầu thị trường, hệ thống phân phối rộng có nhiều người mua.

Trang trại Tân Nghĩa Thành được xem là một mô hình sản xuất heo giống nằm trong luật khuyến khích đầu tư trong nước tham gia vào chương trình phát triển chăn nuôi, cho nên được hưởng nhiều chính sách ưu đãi như: miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi vì thế trang trại rất dễ dàng mở rộng quy mô sản xuất

**b. Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi còn nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chăn nuôi:

- Giá cả thị trường sản phẩm đầu ra lên xuống bất thường.

- Tổng chi phí chăn nuôi khá cao trong đó chi phí thức ăn chiếm tỉ trọng cao nhất (trên 50%). Trang trại sử dụng hoàn toàn bằng thức ăn tổng hợp, chưa tận dụng được nguồn thức ăn tại chỗ như phụ phế phẩm nông nghiệp nên dù năng suất cao, thời gian rút ngắn nhưng chi phí cao hiệu quả còn thấp. Vì vậy chưa phát huy hết được tính kinh tế theo quy mô.

- Do ảnh hưởng dịch cúm gia cầm năm 2003 và dịch bệnh tai xanh 2006 nên lực lượng tham gia chăn nuôi biến động lúc tăng lúc giảm kéo theo hàng loạt vấn đề như giá thức ăn tăng cao giá heo lúc tăng lúc giảm liên tục. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận trong chăn nuôi của trang trại.

### **5.1.1.2. Những cơ hội và thách thức trong quá trình chăn nuôi heo theo mô hình trang trại**

#### **a. Cơ hội**

- Chính phủ có nhiều kế hoạch đầu tư, hỗ trợ chăn nuôi.  
- Thịt heo là nguồn thực phẩm thường xuyên và phổ biến nên nhu cầu hàng năm ít thay đổi mà còn có khả năng tăng thêm do mức sống và nhu cầu dinh dưỡng của họ ngày càng cao. Theo viện chăn nuôi, tiêu dùng thịt heo chiếm 72% trên thị phần thịt các loại.

- Giá các loại thức ăn chăn nuôi, và giá thịt heo có xu hướng bình ổn

#### **b. Thách thức và rủi ro**

- Phần lớn người chăn nuôi phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong sản xuất nông nghiệp bởi sự tác động của điều kiện tự nhiên, chu kỳ sản xuất và yếu tố thị trường.

- Thiên tai, dịch bệnh và những tác động tiêu cực của nó luôn là mối đe dọa đối với ngành chăn nuôi.

- Người chăn nuôi thường gặp khó khăn trong cả quá trình mua yếu tố đầu vào và tiêu thụ sản phẩm như chi phí quá cao, giá heo hơi biến động nhiều. Mặt khác thịt heo còn nhiều sản phẩm thay thế (như thịt bò, cá, tôm, thịt gia cầm...) nên lúc heo dôi dễ bị thương lái ép giá. Bên cạnh đó việc nuôi heo theo phong trào còn rất phổ biến và dễ gặp nguy cơ về biến động giá cả bất lợi.

## **5.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI HEO CỦA TRANG TRẠI TÂN NGHĨA THÀNH.**

Có thể nói rằng lợi nhuận là phần quan trọng nhất đối với chăn nuôi, nó cho thấy việc đầu tư của họ có hiệu quả hay không để tái đầu tư hoặc chuyển sang ngành khác. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận trong chăn nuôi là yếu tố giá bán, quy mô chăn nuôi và các loại chi phí trong chăn nuôi như: giống, thức ăn, thuốc thú y, chuồng trại... các chi phí này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận thu được từ hoạt động chăn nuôi của trang trại.

Theo kết quả phân tích và quan sát thực tế cho thấy mặt dù tình hình chăn nuôi heo thịt của trang trại có hiệu quả nhưng vẫn còn nhiều biến động. Như vậy để nâng cao hơn nữa hiệu quả cho hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại Tân Nghĩa Thành xin được đề xuất một số giải pháp sau:

### **5.2.1. Đối với trang trại**

#### ***Giải pháp về chi phí chăn nuôi***

- Nghiên cứu lại từng giai đoạn phát triển của heo thịt để có thể linh hoạt trong việc chọn thức ăn cho heo thịt. Heo thịt là một loại vật nuôi ăn tạp, có thể tiêu hóa cả thức ăn động vật và thực vật. Thức ăn cho heo rất đa dạng như: tấm cám, thức ăn tổng hợp, hèm rượu, các phụ phẩm phẩm từ gia đình... Theo kết quả phân tích, ta thấy chi phí thức ăn là chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm trên 50%) trong tổng chi phí chăn nuôi. Nó được xem là nhân tố tác động tỷ lệ nghịch đến lợi nhuận chăn nuôi. Nuôi heo theo hướng gì thì có cách phối hợp khẩu phần ăn theo hướng đó. Nếu khẩu phần ăn thiếu dưỡng chất thì vừa lãng phí thời gian chăn nuôi vừa lãng phí tiền. Trong điều kiện hiện nay, giá cả thức ăn cao và có xu hướng tăng do thiếu nguyên liệu chế biến mà nhà nước chưa có chính sách và biện pháp ổn định.

- Ngoài ra, trang trại có thể kết hợp với nông dân trong vùng cung cấp thêm những loại thức ăn truyền thống như tấm cám, hèm rượu... để có thể cho ăn vào những giai đoạn heo phát triển tốt, có khả năng hấp thụ nhiều thức ăn nhằm giảm bớt sự ảnh hưởng của chi phí thức ăn trong tổng chi phí chăn nuôi khi giá giá thức ăn tổng hợp trên thị trường tăng cao.

- Hoạt động chăn nuôi heo thịt hiện nay đang chứa đựng nhiều rủi ro, trong thời gian gần đây xuất hiện nhưng dịch bệnh lạ. Do đó cần cường công tác

kiểm tra quá trình phát triển và tình hình dịch bệnh nhằm phát hiện kịp thời để có biện pháp xử lý hiệu quả nhằm giảm tỷ lệ chết và loại thải heo trong quá trình nuôi nhằm làm giảm chi phí chăn nuôi.

- Để đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình chăn nuôi trang trại không nên sử dụng quá nhiều thuốc kích thích tăng trưởng để heo mau lớn. Điều này vừa tốn kém vừa chứa đựng nhiều rủi ro.

- Mặc dù công tác giống của trang trại tương đối tốt tuy nhiên chi phí bình quân sản xuất một con heo giống còn khá cao. Năm 2008 trung bình để có một con heo con giống tốn chi phí 1.257.040 đồng. Cho nên trang trại cần có chính sách cân nhắc hợp lý các nguồn chi phí đầu tư nhằm giảm được giá thành chi phí sản xuất giống..

#### ***Giải pháp về tiêu thụ sản phẩm heo thịt của trang trại.***

Hiện nay heo thịt vẫn được xem là nguồn thực phẩm quen thuộc và thường xuyên của người tiêu dùng. Sản phẩm thịt heo của trang trại có chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh đáp ứng được nhu cầu thị trường, có nhiều kênh tiêu thụ và người mua đến tận trang trại. Tuy nhiên giá heo hơi trên thị trường hiện nay thường hay biến động làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của trang trại cho nên

+ Trang trại nên phối hợp với thương lái để đẩy mạnh tiêu thụ và tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm thịt trên thị trường.

+ Cần tiếp cận thêm thông tin thị trường trước khi bán để hạn chế rủi ro về giá cả trong quá trình bán sản phẩm để từ đó có kế hoạch chăn nuôi hợp lý.

+ Tạo mối quan hệ tốt với nhiều người mua (thương lái, lò mổ, ....) trong và ngoài địa phương để mở rộng thị trường tiêu thụ. Hạn chế tối đa tình trạng bị thương lái ép giá khi bán sản phẩm.

#### **5.2.1. Đối với nhà nước và chính quyền địa phương**

Cần có sự can thiệp của Nhà Nước trong việc ổn định giá đầu vào trong quá trình chăn nuôi heo. Nhà Nước nên khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến thức ăn gia súc nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp thức ăn cho heo với giá cả hợp lý đủ tiêu chuẩn.

Bộ NN&PTNT có kế hoạch xây dựng hình thành vùng nguyên liệu đáp ứng nhu cầu cho sản xuất thức ăn chăn nuôi như : bắp, đậu nành. Nghiên cứu sử



dụng giống mới có năng suất cao và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong gieo trồng để tăng năng suất, giảm bớt nhập khẩu nguyên liệu.

Tập huấn, chuyên gia tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi theo giai đoạn sinh trưởng, phối tổ hợp khẩu phần thức ăn hợp lý, nhằm nâng cao tỷ lệ tiêu hoá, khả năng sử dụng thức ăn. Áp dụng kỹ thuật trong bảo quản, chế biến và sử dụng nguồn thức ăn thô xanh từ phụ phẩm ngành công nghiệp, trồng trọt như : rơm, rạ, bã mía, bánh tráng vụn, hèm bia

Nhà nước có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng cầu, cảng, hệ thống vận chuyển, nhà kho mang tính chuyên dụng hay mở sàn giao dịch về thức ăn chăn nuôi qua mạng để cập nhật thông tin về giá nguyên liệu cũng như thành phần thức ăn chăn nuôi của các hãng, các cơ sở sản xuất. Ngoài ra các cơ quan chức năng cần chủ động và tăng cường kiểm soát chất lượng các loại cám cũng như quản lý để kiểm soát được giá và chất lượng nguồn nguyên liệu cho chăn nuôi.

Tăng cường việc hình thành, liên kết các trang trại, nhà chăn nuôi trong việc mua nguyên liệu nhằm làm giảm giá làm hạ giá thành, giải quyết các vấn đề về vốn, chi phí vận chuyển.

## Chương 6

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 6.1. KẾT LUẬN

Hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại là một nguồn thu đang đóng góp 40,6% trong tổng nguồn thu của trang trại. Mặc dù tỷ trọng này vẫn còn thấp. Tuy nhiên, qua quá trình phân tích cho thấy hoạt động chăn nuôi heo thịt của trang trại đạt hiệu quả tương đối cao, xét về mặt kinh tế thì hiệu quả này khá cao và có xu hướng tăng trưởng mạnh trong tương lai.

Tình hình chăn nuôi hiện nay của trang trại có điều kiện phát triển khá thuận lợi cả về nội lực bên trong và môi trường kinh doanh bên ngoài về điều kiện tự nhiên, cơ sở vật chất, đầu tư chuồng trại kiên cố, được nhiều chính sách ưu đãi của chính quyền địa phương, đặc biệt người chăn nuôi có kinh nghiệm kỹ thuật chuyên môn cao và có tâm huyết với nghề. Tuy nhiên giá cả thức ăn và giá thành con giống khá cao, giá cả đầu ra biến động, khó dự báo. Đây cũng là các nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hiệu quả hoạt động chăn nuôi.

Lợi nhuận chăn nuôi heo thịt chịu ảnh hưởng của các nhân tố: giá bán heo hơi, sản lượng tiêu thụ và chi phí sản xuất. Trong đó chi phí sản xuất ảnh hưởng cao nhất 47,21%. Xét về nhân tố chi phí, ta thấy chi phí thức ăn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí (51,16% - đợt 2- 2008), kế tiếp là chi phí giống (38,98% - đợt 2- 2008), để sản xuất 1kg heo hơi người chăn nuôi đầu tư chi phí khá cao 33.949,4 đồng/kg. Trọng lượng đạt được bình quân là 95 kg/con. Lợi nhuận đạt được đợt 2 là 4051 đồng/kg. Chăn nuôi heo thịt đạt hiệu quả cao là vì giá heo hơi năm rồi khá cao trung bình khoảng 36.000 đồng/kg tăng cao so với năm 2007.

Trang trại thực hiện quy trình nuôi khép kín nên chủ động được từ khâu sản xuất giống đến khâu cung cấp các nguồn lực đầu vào trong suốt quá trình chăn nuôi. Hiện nay trang trại đang sản xuất theo mô hình VACB (vườn, ao, chuồng, biogas) việc áp dụng mô hình này vừa giảm được chi phí sản xuất vừa giải quyết tốt vấn đề về môi trường.

Do đó, để tăng tính hiệu quả trong chăn nuôi trang trại cần chú trọng phát huy những mặt mạnh có được tìm cách khắc phục những hạn chế tiêu biểu là việc

lựa chọn và sử dụng các yếu tố đầu vào trong hoạt động sản xuất nhằm giảm thiểu chi phí sản xuất ở mức tối ưu nhất.

## **6.2. KIẾN NGHỊ**

Qua thời gian thực tập ở doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa Thành em xin có một số kiến nghị sau.

### **6.2.1. Đối với trang trại**

- Lập kế hoạch chăn nuôi cụ thể, rõ ràng.
- Tăng cường nghiên cứu thị trường để có thể dự báo được sự biến động của giá đầu ra cũng như sự biến động của giá thức ăn, từ đó có kế hoạch linh hoạt trong việc đầu tư về số lượng nuôi cũng như loại thức ăn cho heo ăn cho từng thời kỳ sao cho đem lại hiệu quả chăn nuôi cao nhất.

- Cần chú trọng vào việc đầu tư xây dựng thương hiệu cho trang trại để có thể chủ động trong việc tiêu thụ sản phẩm cũng như nguồn cung cấp các yếu tố đầu vào trong chăn nuôi.

### **6.2.2. Đối với chính quyền địa phương,**

- Cần có sự liên kết bốn nhà: Nhà sản xuất – Nhà nước – Nhà khoa học – Nhà kinh doanh thực phẩm có như vậy mới đảm bảo điều kiện nạc hóa đàn heo. Xây dựng các hợp tác xã bao tiêu sản phẩm để bình ổn giá cả đầu ra

- Thành lập tổ hợp tác, hội nông dân, hội doanh nghiệp nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các nhà sản xuất, các trang trại giao lưu trao đổi thông tin kinh nghiệm cũng như những tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất.

- Kinh tế trang trại loại hình kinh tế mới và có nhiều triển vọng, nhà nước cần có nhiều chương trình ưu đãi để khuyến khích phát triển.

### **6.2.3. Đối với cơ quan thú y của huyện**

Trang trại Tân Nghĩa Thành được đánh giá là một trang trại chăn nuôi heo lớn nhất tỉnh và kinh doanh có hiệu quả. Cho nên các cơ quan thú y cần có chính sách hỗ trợ trong việc kiểm tra định kỳ tình hình chăn nuôi của trang trại để có biện pháp hỗ trợ kịp thời trong việc phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

### **6.2.4. Đối với các tổ chức tín dụng**

Đây là một loại hình sản xuất đang có tiềm năng phát triển hiện nay, cần có chính sách hỗ trợ tín dụng để trang trại mở rộng hơn quy mô hoạt động.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Ninh (2001), Kỹ thuật chăn nuôi heo, Nhà xuất bản trẻ.
2. Nguyễn Phú Sơn, Huỳnh Trường Huy, Trần Thụy Ái Đông (2004), Giáo trình Kinh tế sản xuất, Trường Đại học Cần Thơ, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, lưu hành nội bộ.
3. Trương Đông Lộc, Trần Bá Trí, Nguyễn Văn Ngân, Nguyễn Thị Lương, Trương Thị Bích Liên, Bài giảng Quản trị tài chính, Trường Đại học Cần Thơ, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, lưu hành nội bộ.
4. Nguyễn Tấn Bình, Phân tích hoạt động doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học quốc gia –Tp Hồ Chí Minh.
5. Long Châu Group (2008), Kỹ thuật chăn nuôi heo, lưu hành nội bộ.

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG PHỎNG VẤN**  
**NÔNG HỘ CHĂN NUÔI HEO THỊT**

Mẫu số: ..... ngày.....tháng.....năm 2008

Địa bàn:

Họ tên Phỏng vấn viên:

SA: chọn 1 câu trả lời

MA: chọn nhiều câu trả lời

**A. PHẦN GIỚI THIỆU**

Xin chào, tôi là sinh viên trường Đại học Cần Thơ, để phục vụ cho đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp, tôi đang tiến hành khảo sát Mô hình chăn nuôi heo thịt trên địa bàn Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông (bà) vui lòng dành chút thời gian quý báu khoảng 15 phút để giúp tôi trả lời một số câu hỏi có liên quan dưới đây. Tôi rất hoan nghênh sự cộng tác và giúp đỡ của ông (bà). Các ý kiến trả lời của ông (bà) sẽ được đảm bảo giữ bí mật tuyệt đối.

**B. PHẦN NỘI DUNG**

**I. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA NÔNG HỘ**

***1.1. Tình hình chung về nông hộ***

Q1. Họ tên chủ hộ:.....

Tuổi.....Nam/Nữ: .....

Q2. Địa chỉ: Số nhà:.....Ấp.....Xã.....Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.

Q3. Tổng số lao động trực tiếp chăn nuôi heo thịt.....người.

Q3a. Lao động nhà.....người.

Q3b. Lao động thuê.....người.

***1.2. Tình hình chung về chăn nuôi heo thịt của nông hộ***

Q4. Số lứa heo thịt nuôi năm 2008.....lứa/năm.

Q5. Thời gian một chu kỳ chăn nuôi heo (2008).....tháng.

Q6. Trọng lượng bình quân heo con giống khi mua.....kg/con.

Q7. Số heo thịt nuôi năm 2008 .....con

Q7a. Số heo thịt nuôi đợt 1 năm 2008 .....con.

Q7b. Số heo thịt đợt 2 năm 2008.....con.

Q8. Trọng lượng xuất chuồng bình quân hằng năm mỗi con heo  
thịt.....kg/con.

Q8a. Trọng lượng xuất chuồng bình quân 1 con heo thịt đọt 1 năm  
2008.....kg/con.

Q8b. Trọng lượng xuất chuồng bình quân 1 con heo thịt đọt 2 năm 2008  
.....kg/con

Q9. Diện tích chuồng nuôi bao nhiêu.....m<sup>2</sup>

Q10. Mật độ chuồng cho 1 con heo là bao nhiêu...../m<sup>2</sup>

Q11. Chi phí thú y là bao nhiêu?

Q11a Chi phí cho một lần điều trị cho 1 con heo.....đồng/con/lần.

Q11b Chi phí điều trị tính bình quân cho 1 con heo từ lúc nuôi cho đến lúc  
xuất chuồng.....đồng/con.

Q12. Trong thời gian tới ông (bà) có muốn mở rộng quy mô chăn nuôi heo  
thịt không?

1. Có

2. Không

## II. CHI PHÍ CHĂN NUÔI HEO THỊT CỦA NÔNG HỘ

### 2.1. Định phí chăn nuôi heo thịt

Q13. Định phí chăn nuôi heo thịt tính bình quân theo lứa heo/con

| Loại Định phí       | ĐVT | Số lượng | Vòng đời | Giá mua (1000đ) | GT còn lại (1000đ) | SD nuôi heo thịt (%) | Số tiền (1000đ) |
|---------------------|-----|----------|----------|-----------------|--------------------|----------------------|-----------------|
| 1. Diện tích chuồng |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| 2. Máy móc          |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| a. Máy bơm nước     |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| b. Máy trộn thức ăn |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| c. Hệ thống điện    |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| 3. Chuồng trại      |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| 4. Định phí khác    |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| Tổng Định phí/lứa   |     |          |          |                 |                    |                      |                 |
| Định phí/con        |     |          |          |                 |                    |                      |                 |

## 2.2. *Biến phí nuôi heo thịt*

Q14. Biến phí chăn nuôi heo thịt tính bình quân theo lứa/con năm 2008?

| <b>Khoản mục</b>            | <b>ĐVT</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Đơn giá</b> | <b>Thành tiền</b> |
|-----------------------------|------------|-----------------|----------------|-------------------|
| <b>1. Heo giống</b>         |            |                 |                |                   |
| <b>2. Thức ăn</b>           |            |                 |                |                   |
| <b>a. Gạo, tấm</b>          |            |                 |                |                   |
| <b>b. Cám</b>               |            |                 |                |                   |
| <b>c. Thức ăn tổng hợp</b>  |            |                 |                |                   |
| <b>d. Rau</b>               |            |                 |                |                   |
| <b>e. Thức ăn khác</b>      |            |                 |                |                   |
| <b>f. thức ăn khác</b>      |            |                 |                |                   |
| <b>3. Thuốc thú y</b>       |            |                 |                |                   |
| <b>4.Lao động thuê</b>      |            |                 |                |                   |
| <b>5. Chi phí khác</b>      |            |                 |                |                   |
| <b>Tổng chi phí/con</b>     |            |                 |                |                   |
| <b>Lao động nhà</b>         |            |                 |                |                   |
| <b>Tổng Bphi Lđ nhà/con</b> |            |                 |                |                   |



### III. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM HEO THỊT

#### 3.1. Giá cả và sản lượng heo xuất chuồng

Q15. Giá bán bình quân và số lượng thịt heo đã bán?

| Lứa bán<br>(1) | Số con<br>(con) (2) | Trọng<br>lượng BQ<br>(kg/con)<br>(3) | Sản lượng<br>bán (kg)<br>(4) | Giá bán<br>(1000đ/kg)<br>(5) | Thu nhập<br>(1000đ)<br>(6)= (4)*(5) |
|----------------|---------------------|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| Năm 2008       | Đợt 2:              |                                      |                              |                              |                                     |
|                | Đợt 1:              |                                      |                              |                              |                                     |
| Cộng           |                     |                                      |                              |                              |                                     |

Q16. Ông/ bà thường bán heo thịt cho ai? SA

- Hàng xóm
- Vựa heo
- Lò mổ heo
- Lái heo
- Khác (ghi cụ thể)

Q17. Phương thức thanh toán giữa ông/bà và người mua như thế nào?

- Tiền mặt
- Mua chịu
- Khác (ghi cụ thể)

Q18. Làm thế nào thông báo cho người mua heo khi cần bán?

- Điện thoại
- Người mua tự liên hệ
- Khác (ghi cụ thể)

Q29. Ông (bà) có đề xuất gì để tăng hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm heo thịt của gia đình?

.....

.....

.....

.....

TÔI CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ GIÚP ĐỠ CỦA ÔNG (BÀ)!

## **PHẦN XÁC NHẬN CỦA PHÒNG VẤN VIÊN**

Tôi xin cam đoan rằng toàn bộ kết quả phỏng vấn trong bảng câu hỏi này là chính xác và trung thực. Nếu có gì sai sót thì tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

-----Hết-----

## PHỤ LỤC 2

### SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP THAY THỂ LIÊN HOÀN TRONG PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI NHUẬN

| Chi tiêu                      | Đơn vị tính | Đợt 1-2008 | Đợt 2-2008/ | Đợt 2-2008/Đợt 1-2008 |       |
|-------------------------------|-------------|------------|-------------|-----------------------|-------|
|                               |             | Giá trị    | Giá trị     | Giá trị               | %     |
| <b>Giá bán</b>                | đồng/kg     | 34.000     | 38.000      | 4000,00               | 11,76 |
| <b>Sản lượng xuất chuồng</b>  | kg          | 30.210     | 50.582,4    | 20.372,40             | 67,44 |
| <b>Tổng chi phí chăn nuôi</b> | Triệu đồng  | 916,92     | 1717,24     | 800,32                | 87,28 |
| <b>Lợi nhuận ròng</b>         | Triệu đồng  | 110,22     | 204,89      | 94,68                 | 85,90 |

Thực hiện pp thay thế liên hoàn

**Đối tượng phân tích: LN đợt 2 - LN đợt 1 = 94675 ngàn đồng**

Kỳ phân tích:  $LN_1 = P_1 \cdot Q_1 - CP_1 = 204891,20$

Kỳ gốc :  $LN_0 = P_0 \cdot Q_0 - CP_0 = 110215,75$

Thay thế lần 1  $LN_1 = P_1 \cdot Q_0 - CP_0 = 231055,7472$

Thay thế lần 2:  $LN_1 = P_1 \cdot Q_1 - CP_0 = 204891,20$

Thay thế lần 3:  $LN_1 = P_1 \cdot Q_1 - CP_1 = 1005206,947$

Mức ảnh hưởng của giá  $\Delta P = 120840,00$

Mức ảnh hưởng của sản lượng  $\Delta Q = 774151,2$

Mức ảnh hưởng của  $\Delta CP = -800315,75$

**Tổng mức ảnh hưởng =  $\Delta P + \Delta Q + \Delta CP = 94675,45$**

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính | Giá trị      | Tỷ lệ(%) |
|------------------------------|-------------|--------------|----------|
| <b>Giá bán</b>               | Triệu đồng  | 120,84       | 7,13     |
| <b>Sản lượng xuất chuồng</b> | Triệu đồng  | 774,15       | 45,66    |
| <b>Chi phí chăn nuôi</b>     | Triệu đồng  | -800,32      | 4,21     |
| <b>Tổng cộng</b>             | Triệu đồng  | <b>94,68</b> | 100      |